|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TƯ PHÁP  **CỤC KIỂM TRA VĂN BẢN**  **VÀ QUẢN LÝ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**CỦA DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

*(Kèm theo Công văn số……/KTVB&QLXLVPHC-XLHC ngày…/…./2025 của Cục kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Luật Xử lý vi phạm hành chính** | **Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính** | **Thuyết minh** |
| **Điều 4. Thẩm quyền quy định về xử phạt vi phạm hành chính và chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính**  1. Căn cứ quy định của Luật này, Chính phủ quy định các nội dung sau đây:  a)Hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước;  b) Chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.  2. Biểu mẫu sử dụng trong xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của Chính phủ.  3. Căn cứ quy định của Luật này, Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kiểm toán nhà nước và đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng. | **Điều 4. Thẩm quyền quy định về xử phạt vi phạm hành chính và chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính**  1. Căn cứ quy định của Luật này, Chính phủ quy định ***chi tiết tại nghị định*** về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước bao gồm các nội dung sau đây: ***Mức phạt tiền tối đa***; hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước.  2. Căn cứ quy định của Luật này, Chính phủ quy định chi tiết chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính***và thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.***  3. Căn cứ quy định của Luật này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kiểm toán nhà nước và đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng.  ***4. Căn cứ quy định của Luật này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thẩm quyền, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.***  5. Biểu mẫu sử dụng trong xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của Chính phủ. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:**  **1. Sửa đổi, bổ sung khoản khoản 1 Điều 4** quy định Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết tại nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực nhà nước, trong đó bổ sung thêm nội dung được giao quy định chi tiết là mức tiền phạt tối đa.  ***Lí do:*** Đây là những nội dung, vấn đề mà trong thực tiễn thường xuyên biến động. Do đó, việc bổ sung các nội dung mà Chính phủ được giao quy định chi tiết nhằm nâng cao tính chủ động trong việc quản lý nhà nước theo các ngành, lĩnh vực, tạo cơ chế chính sách chủ động, linh hoạt, phù hợp với các yêu cầu, đặc điểm của từng ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước trên thực tế, đồng thời đẩy mạnh phân cấp phân quyền trong xử phạt vi phạm hành chính.  **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4** theo hướng quy định Chính phủ căn cứ quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, quy định chi tiết chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính và thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính. *Lí do:* Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 140/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc, Nghị định số 120/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn; Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy để quy định chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính. Các nghị định này đang quy định chi tiết về chế độ, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính và thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung này nhằm mục đích thể hiện rõ hơn, thống nhất giữa nội dung và tên của các nghị định.2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 quy định Uỷ ban Thường vụ Quốc hội căn cứ quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính để quy định về thẩm quyền, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại tòa án nhân dân.*Lí do:* Luật XLVPHC hiện đang quy định cụ thể thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý hành chính cho Tòa án nhân dân cấp huyện. Tuy nhiên, trong bối cảnh việc sắp xếp, tổ chức lại hệ thống tòa án nhân dân các cấp đang trong quá trình nghiên cứu, xây dựng đề án thì dự thảo Luật quy định giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định cụ thể về thẩm quyền áp dụng.Hiện nay, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung này nhằm mục đích quy định rõ trách nhiệm của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội trong việc quy định chi tiết về thẩm quyền, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại tòa án nhân dân, tạo cơ sở cho việc áp dụng thống nhất tại Toà án nhân dân có thẩm quyền ra quyết định, đồng thời, thể hiện được sự thống nhất với các nội dung đã được quy định tại Pháp lệnh nêu trên, đẩy mạnh phân cấp phân quyền trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. |
| **Điều 5. Đối tượng bị xử lý vi phạm hành chính**  1. Các đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính bao gồm:  a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm hành chính do cố ý; người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính.  Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân vi phạm hành chính thì bị xử lý như đối với công dân khác; trường hợp cần áp dụng hình thức phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn liên quan đến quốc phòng, an ninh thì người xử phạt đề nghị cơ quan, đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân có thẩm quyền xử lý;  b) Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra;  c) Cá nhân, tổ chức nước ngoài vi phạm hành chính trong phạm vi lãnh thổ, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trên tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. | **Điều 5. Đối tượng bị xử lý vi phạm hành chính**  1. Các đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính bao gồm:  a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm hành chính do cố ý; người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính;  ***b) Cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu thực hiện hành vi vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính khi hành vi đó không thuộc nhiệm vụ, công vụ được giao. Trường hợp cơ quan, đơn vị xác định hành vi thuộc nhiệm vụ, công vụ thì không bị xử phạt vi phạm hành chính mà bị xử lý theo quy định pháp luật có liên quan;***  c) Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân vi phạm hành chính thì bị xử lý như đối với công dân khác; trường hợp cần áp dụng hình thức phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn liên quan đến quốc phòng, an ninh thì người xử phạt đề nghị cơ quan, đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân có thẩm quyền xử lý;  d) Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra;  đ) Cá nhân, tổ chức nước ngoài ***hiện diện hoặc không hiện diện tại Việt Nam có*** vi phạm hành chính trong phạm vi lãnh thổ, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trên tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. | **Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:**  **1. Bổ sung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5** quy định đối tượng bị xử phạt là cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu thực hiện hành vi vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính khi hành vi đó không thuộc nhiệm vụ, công vụ được giao; trường hợp thuộc công vụ, nhiệm vụ được giao thì bị xử lý theo quy định của luật khác có liên quan mà không bị xử phạt vi phạm hành chính.  **2. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 5** quy định cá nhân, tổ chức nước ngoài hiện diện hoặc không diện hiện tại Việt Nam trong phạm vi quy định cũng là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính.  ***Lí do:*** Quy định làm rõ, khoanh vùng các đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hoặc cá nhân, tổ chức là người nước ngoài nhưng không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty con hoặc không hiện diện tại Việt Nam (ví dụ: tổ chức nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm hành chính thông qua nền tảng mạng xã hội nhưng trụ sở chính được đặt tại nước ngoài, không có trụ sở tại Việt Nam). Qua đó, tạo cơ sở thuận tiện cho áp dụng pháp luật khi xác định đối tượng vi phạm, định hình thống nhất, tránh phát sinh những cách hiểu khác nhau trong xác định đối tượng bị xử phạt, bảo đảm phù hợp hơn với bối cảnh hiện nay. |
| **Điều 6. Thời hiệu xử lý vi phạm hành chính**  1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định như sau:  a) Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, trừ các trường hợp sau đây:  Vi phạm hành chính về kế toán; hóa đơn; phí, lệ phí; kinh doanh bảo hiểm; quản lý giá; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; xây dựng; thủy sản; lâm nghiệp; điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước; hoạt động dầu khí và hoạt động khoáng sản khác; bảo vệ môi trường; năng lượng nguyên tử; quản lý, phát triển nhà và công sở; đất đai; đê điều; báo chí; xuất bản; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa; sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; quản lý lao động ngoài nước thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm.  Vi phạm hành chính về thuế thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;  2. Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính được quy định như sau:  d) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 03 tháng, kể từ ngày cá nhân ~~thực hiện lần cuối hành vi vi phạm~~ quy định tại khoản 1 Điều 96 của Luật này; | **Điều 6. Thời hiệu xử lý vi phạm hành chính**  1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định như sau:  a) Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ***02 năm*, *trường hợp luật khác có quy định về thời hiệu thì tối đa không quá 05 năm****;* | **1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 6** quy định tăng thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước là 02 năm, đồng thời cho phép các luật khác quy định về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nhưng tối đa không quá 05 năm.  ***Lí do:*** Việc quy định cho phép các luật khác quy định thời hiệu xử phạt nhằm nâng cao tính chủ động trong việc quản lý nhà nước theo các ngành, lĩnh vực, tạo cơ chế chính sách chủ động, linh hoạt, phù hợp với các yêu cầu, đặc điểm của từng ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước trên thực tế. Đồng thời, việc tăng thời hiệu xử phạt nhằm cường hiệu quả, bảo đảm trật tự quản lý nhà nước, nâng cao tính răn đe, phòng ngừa, xử lý triệt để hành vi vi phạm trong bối cảnh vi phạm hành chính diễn ra ngày càng tinh vi, phức tạp, tránh tình trạng khi hồ sơ vụ vi phạm hành chính được chuyển người có thẩm quyền xử phạt thì đã hết thời hiệu xử phạt.  **2.** Thay thế cụm từ *“thực hiện lần cuối hành vi vi phạm”* thành *“thực hiện hành vi”* tại điểm d khoản 2 Điều 6.  ***Lí do:*** Theo Luật Phòng, chống ma túy thì người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên thực hiện 1 trong các hành vi theo quy định tại Điều 32 Luật này thì sẽ là đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, không phụ thuộc vào số lần thực hiện hành vi. |
| 2. Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính được quy định như sau:  d) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 03 tháng, kể từ ngày cá nhân ***thực hiện hành vi vi phạm*** quy định tại khoản 1 Điều 96 của Luật này; |
| **Điều 17. Trách nhiệm quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**  2. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:  d) Kiểm tra, phối hợp với các bộ, ngành hữu quan tiến hành thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; | **Điều 17. Trách nhiệm quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**  2. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:  ***d) Kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;*** | **Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 17** theo hướng bổ sung Bộ Tư pháp có nhiệm vụ, quyền hạn trong việc thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.  ***Lí do:*** Đảm bảo phù hợp với chủ trương sắp sếp, tinh gọn bộ máy của lực lượng thanh tra theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả. |
| **Điều 23. Phạt tiền**  1. Mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính từ 50.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 100.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 24 của Luật này.  Đối với khu vực nội thành của thành phố trực thuộc trung ương thì mức phạt tiền có thể cao hơn, nhưng tối đa không quá 02 lần mức phạt chung áp dụng đối với cùng hành vi vi phạm trong các lĩnh vực giao thông đường bộ; bảo vệ môi trường; an ninh trật tự, an toàn xã hội.  2. Chính phủ quy định khung tiền phạt hoặc mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm hành chính cụ thể theo một trong các phương thức sau đây, nhưng khung tiền phạt cao nhất không vượt quá mức tiền phạt tối đa quy định tại Điều 24 của Luật này:  a) Xác định số tiền phạt tối thiểu, tối đa;  b) Xác định số lần, tỷ lệ phần trăm của giá trị, số lượng hàng hóa, tang vật vi phạm, đối tượng bị vi phạm hoặc doanh thu, số lợi thu được từ vi phạm hành chính.  3. Căn cứ vào hành vi, khung tiền phạt hoặc mức tiền phạt được quy định tại nghị định của Chính phủ và yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội đặc thù của địa phương, Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương có quyền quyết định khung tiền phạt hoặc mức tiền phạt cụ thể đối với hành vi vi phạm trong các lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này nhưng không vượt quá mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này.  4. Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.  Chính phủ quy định chi tiết khoản này*.* | **Điều 23. Phạt tiền**  1. Mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính từ ***300.000 đồng*** đến ***1.000.000.000 đồng* đối với cá nhân, từ *600.000 đồng*** đến ***2.000.000.000 đồng*** đối với tổ chức, ***trừ* *trường hợp luật trong lĩnh vực quản lý nhà nước khác có quy định khác.***  Đối với ***địa bàn thành phố Hà Nội và khu vực đô thị*** của thành phố trực thuộc Trung ương thì mức phạt tiền có thể cao hơn, nhưng tối đa không quá 02 lần mức phạt chung áp dụng đối với cùng hành vi vi phạm trong các lĩnh vực ***văn hóa; quảng cáo; đất đai; xây dựng; phòng cháy, chữa cháy; an toàn thực phẩm; giao thông đường bộ; bảo vệ môi trường; an ninh, trật tự, an toàn xã hội***.  ***2. Căn cứ quy định của Luật này, Chính phủ quy định mức phạt tiền tối đa trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước và khung tiền phạt đối với hành vi vi phạm hành chính cụ thể, nhưng mức tối đa của khung tiền phạt không vượt quá mức phạt tiền tối đa của lĩnh vực tương ứng.***  3. Căn cứ vào hành vi, khung tiền phạt hoặc mức tiền phạt được quy định tại nghị định của Chính phủ và yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội đặc thù của địa phương, Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương có quyền quyết định khung tiền phạt hoặc mức tiền phạt cụ thể đối với hành vi vi phạm trong các lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này nhưng không vượt quá mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này.  ***4. Hộ kinh doanh, cộng đồng dân cư, đơn vị phụ thuộc pháp nhân vi phạm hành chính bị áp dụng mức phạt tiền đối với tổ chức vi phạm hành chính.***  ***5. Hộ gia đình vi phạm hành chính bị áp dụng mức phạt tiền đối với cá nhân vi phạm hành chính.***  6. Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.  Chính phủ quy định chi tiết khoản này*.* | **Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:**  **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23** quy định tăng mức tiền phạt tối thiểu trong xử phạt vi phạm hành chính, đồng thời cho phép luật khác quy định mức tiền phạt tối đa và tối thiểu trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.  ***Lí do:*** Việc tăng mức tiền phạt nhằm bảo đảm tính răn đe, phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội. Đồng thời, việc cho phép luật khác quy định mức phạt tiền nhằm nâng cao tính chủ động trong việc quản lý nhà nước theo các ngành, lĩnh vực, tạo cơ chế chính sách chủ động, linh hoạt, phù hợp với các yêu cầu, đặc điểm của từng ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước trên thực tế.  **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23** quy định về mức phạt tiền cao hơn mức phạt chung được áp dụng đối với các thành phố trực thuộc trung ương, theo đó, thay thế quy định áp dụng mức phạt cao hơn đối với khu vực nội thành bằng khu vực đô thị của thành phố trực thuộc trung ương và địa bàn thành phố Hà Nội trong một số lĩnh vực về văn hóa; quảng cáo; đất đai; xây dựng; phòng cháy, chữa cháy; an toàn thực phẩm; giao thông đường bộ; bảo vệ môi trường; an ninh, trật tự, an toàn xã hội.  ***Lí do:*** Bảo đảm phù hợp hơn với việc tổ chức chính quyền hai cấp, thống nhất với Luật Thủ đô.  **3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điêu 23** quy định Quốc hội giao Chính phủ quy định mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực quản lý nhà nước và khung tiền phạt đối với hành vi vi phạm hành chính cụ thể, mức tối đa của khung tiền phạt không được vượt quá mức phạt tiền tối đa của lĩnh vực tương ứng. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung theo hướng bãi bỏ 02 phương thức làm căn cứ quy định khung tiền phạt, mức tiền phạt, thay vì quy định cứng phương thức như trước đây.  ***Lí do:*** Nâng cao tính chủ động của Chính phủ trong việc quản lý nhà nước theo các ngành, lĩnh vực, tạo cơ chế chính sách chủ động, linh hoạt, phù hợp với các yêu cầu, đặc điểm của từng ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước trên thực tế.  **4. Sửa đổi, bổ khoản 4 và khoản 5 Điều 23** theo hướng xác định các đối tượng vi phạm là hộ kinh doanh, cộng đồng dân cư, đơn vị phụ thuộc pháp nhân vi phạm hành chính bị áp dụng mức phạt tiền đối với tổ chức; đối tượng vi phạm là hộ gia đình vi phạm hành chính bị áp dụng mức phạt tiền đối với cá nhân.  Lí do: Thực tiễn cho thấy, nhiều đối tượng có thể là đối tượng vi phạm hành chính nhưng chưa được quy định cụ thể trong Luật như cộng đồng dân cư, hộ gia đình,.... Những đối tượng này không phải cá nhân, nhưng cũng không phải tổ chức theo quy định của khoản 10 Điều 2 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Do đó, việc quy định cái đối tượng này bị xử phạt như cá nhân hay tổ chức sẽ tạo cơ sở thuận tiện cho áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng công tác xử lý vi phạm hành chính. |
| **Điều 24. Mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực** | **(được bãi bỏ)** | ***Lí do:*** Tăng cường sự chủ động của Chính phủ với vai trò là cơ quan thống nhất quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, bảo đảm xử lý kịp thời, thích ứng linh hoạt trước những biến động mạnh mẽ của tình hình kinh tế - xã hội. |
| **Điều 25. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn**  3. Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này từ 01 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành. Người có thẩm quyền xử phạt giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.  Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung thời gian tước, đình chỉ được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì thời hạn tước, đình chỉ có thể giảm xuống nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của khung thời gian tước, đình chỉ; nếu có tình tiết tăng nặng thì thời hạn tước, đình chỉ có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung thời gian tước, đình chỉ. | **Điều 25. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn**  3. Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này từ 01 tháng đến 24 tháng.  Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung thời gian tước, đình chỉ được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì thời hạn tước, đình chỉ có thể giảm xuống nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của khung thời gian tước, đình chỉ; nếu có tình tiết tăng nặng thì thời hạn tước, đình chỉ có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung thời gian tước, đình chỉ.  Chính phủ quy định chi tiết khoản này.  ***4. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn được quy định và áp dụng đồng thời với các biện pháp quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp biện pháp quản lý nhà nước có tính chất tương tự với hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn, thì ưu tiên áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.*** | **Bổ sung khoản 3 Điều 25** quy định về nguyên tắc quy định và áp dụng giữa hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn và các biện pháp quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật chuyên ngành.  ***Lí do:*** Tránh sự trùng lặp trong trường hợp các hình thức xử phạt được quy định đối với mỗi hành vi vi phạm có sự trùng lặp với các biện pháp quản lý nhà nước, bảo đảm hiệu lực quản lý nhà nước theo hướng quy định ưu tiên áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. |
| **Điều 28.** **Các biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng**  1. Các biện pháp khắc phục hậu quả bao gồm:  a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;  b) Buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;  c) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;  d) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện;  đ) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại;  e) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn;  g) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm;  h) Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng;  i) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;  k) Các biện pháp khắc phục hậu quả khác do Chính phủ quy định.  2. Nguyên tắc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Đối với mỗi vi phạm hành chính, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều này;  b) Biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng độc lập trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 65 của Luật này. | **Điều 28. Các biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng**  1. Các biện pháp khắc phục hậu quả bao gồm:  a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;  b) Buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;  c) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;  d) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện;  đ) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại;  e) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn;  g) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm;  h) Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng;  i) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;  k) Các biện pháp khắc phục hậu quả khác do Chính phủ quy định.  ***1a. Căn cứ các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều này và quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể việc thi biện pháp khắc phục hậu quả phù hợp với yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội đặc thù của địa phương trong trường hợp cần thiết.***  2. Nguyên tắc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Đối với mỗi vi phạm hành chính, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều này;  b) Biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng độc lập trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 65 của Luật này.  ***c)* *Biện pháp khắc phục hậu quả được quy định và áp dụng đồng thời với các biện pháp quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp việc áp dụng biện pháp quản lý nhà nước có tính chất tương tự với biện pháp khắc phục hậu quả, thì ưu tiên áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.*** | **Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:**  **1. Bổ sung khoản 1a Điều 28** theo hướng Quốc hội giao quy Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể việc thi biện pháp khắc phục hậu quả phù hợp với yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội đặc thù của địa phương trong trường hợp cần thiết trên cơ sở các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước.  ***Lí do:*** Tăng cường sự chủ động của chính quyền địa phương trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, bảo đảm xử lý kịp thời, thích ứng linh hoạt trước những biến động mạnh mẽ của tình hình kinh tế - xã hội, đồng thời đẩy mạnh phân cấp phân quyền trong xử phạt vi phạm hành chính.  **2. Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 28** quy định về nguyên tắc quy định và áp dụng giữa biện pháp khắc phục hậu quả được quy định và các biện pháp quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật chuyên ngành.  ***Lí do:*** Tránh sự trùng lặp trong trường hợp các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với mỗi hành vi vi phạm có sự trùng lặp với các biện pháp quản lý nhà nước, bảo đảm hiệu lực quản lý nhà nước theo hướng quy định ưu tiên áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. |
| **Điều 32. Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện**  Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện được đưa vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhập khẩu trái với quy định của pháp luật hoặc được tạm nhập, tái xuất nhưng không tái xuất theo đúng quy định của pháp luật.  ~~Biện pháp khắc phục hậu quả này cũng được áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu, quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa giả mạo quyền sở hữu trí tuệ, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện.~~ | **Điều 32. Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện**  Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện được đưa vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhập khẩu trái với quy định của pháp luật hoặc được tạm nhập, tái xuất nhưng không tái xuất theo đúng quy định của pháp luật. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 32** theo hướng bãi bỏ nội dung biện pháp khắc phục hậu quả buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện được áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu, quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa giả mạo quyền sở hữu trí tuệ, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm.  ***Lí do:*** Biện pháp khắc phục hậu quả buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện được áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu, quá cảnh giả mạo quyền sở hữu trí tuệ, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ đã được quy định chi tiết tại Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (được sửa sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 và Nghị định 24/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025). Đồng thời, không có cơ sở để áp dụng biện pháp này đối với hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được vận chuyển dưới hình thức quá cảnh theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ. |
|  | **Điều 37a. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính**  1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Luật này bao gồm:  a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp;  b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan quản lý nhà nước; Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;  c) Người có thẩm quyền tiến hành thanh tra giữ ngạch thanh tra viên;  d) Người thuộc cơ quan, lực lượng: Công an nhân dân; Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển; Hải quan; Thuế; Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Quản lý thị trường; Kiểm lâm; Kiểm ngư; Thi hành án dân sự;  đ) Người thuộc Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy, Cảng vụ hàng không;  e) Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia; Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Trưởng Ban cơ yếu Chính phủ;  g) Thẩm phán, Chánh án Tòa án nhân dân các cấp;  h) Người thuộc Kiểm toán nhà nước.  2. Căn cứ các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này, Chính phủ quy định chi tiết các chức danh; thẩm quyền phạt tiền, áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả của từng chức danh trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước.  3. Căn cứ quy định tại các điểm g và h khoản 1 Điều này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết các chức danh; thẩm quyền phạt tiền, áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả của từng chức danh trong hoạt động kiểm toán nhà nước và đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng. | **Bổ sung Điều 37a như sau:**  **1. Bổ sung khoản 1 Điều 37a** theo hướng quy định chung các cá nhân thuộc cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, thay vì quy định liệt kê tên các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, thẩm quyền phạt tiền, áp dụng hình thức xử phạt bổ sung, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả như trước đây.  **2. Bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 37a** theo hướng Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết các chức danh; thẩm quyền phạt tiền, áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả của từng chức danh trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước; Quốc hội giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết các chức danh; thẩm quyền phạt tiền, áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả của từng chức danh trong hoạt động kiểm toán nhà nước và đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng.  ***Lí do:***  - Tăng cường sự chủ động trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, bảo đảm xử lý kịp thời, thích ứng linh hoạt trước những biến động mạnh mẽ của tình hình kinh tế - xã hội, đồng thời đẩy mạnh phân cấp phân quyền trong xử phạt vi phạm hành chính.  - Tác động của việc thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra các nội dung cụ thể như: “xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”, “xây dựng đề án về hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện”, “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”. |
| **Từ Điều 38 đến Điều 51** quy định về thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân, Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Kiểm lâm, Kiểm ngư, cơ quan Thuế, Quản lý thị trường, Uỷ ban cạnh tranh Quốc gia, Thanh tra, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thuỷ nội địa, Toà án nhân dân, cơ quan Thi hành án dân sự, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài. | *(Được bãi bỏ)* | ***Lí do:***  - Bảo đảm thống nhất, phù hợp với Điều 37a dự thảo Luật.  - Tăng cường sự chủ động của Chính phủ với vai trò là cơ quan thống nhất quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, bảo đảm xử lý kịp thời, thích ứng linh hoạt trước những biến động mạnh mẽ của tình hình kinh tế - xã hội. Đồng thời, tạo cơ chế chính sách chủ động, linh hoạt, phù hợp với các yêu cầu, đặc điểm của từng ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước trên thực tế.  - Tác động của việc thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra các nội dung cụ thể như: “xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”, “xây dựng đề án về hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện”, “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”. |
| **Điều 52. Nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả**  1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của những người được quy định tại các điều từ 38 đến 51 của Luật này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân và được xác định theo tỉ lệ phần trăm quy định tại Luật này đối với chức danh đó.  Trong trường hợp phạt tiền đối với vi phạm hành chính trong khu vực nội thành thuộc các lĩnh vực quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 23 của Luật này, thì các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính do Chính phủ quy định cũng có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn đối với các hành vi vi phạm hành chính do Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương quy định áp dụng trong nội thành.  3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương. | **Điều 52. Nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả**  1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của những người được quy định tại ***Điều 37a của Luật này*** là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân.  Trong trường hợp phạt tiền đối với vi phạm hành chính trong thuộc ***địa bàn thành phố Hà Nội và khu vực đô thị* *của thành phố trực thuộc Trung ương*** thuộc các lĩnh vực quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 23 của Luật này, thì các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính do Chính phủ quy định cũng có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn đối với các hành vi vi phạm hành chính do Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương quy định.  3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương.  Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định ***tại các******điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 37a của Luật nà*y** có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực, ngành mình quản lý.  Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện. | **Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 52**  **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 52** theo hướng các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính do Chính phủ quy định cũng có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn đối với các hành vi vi phạm hành chính do Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương quy định áp dụng trong địa bàn thành phố Hà Nội và khu vực đô thị của thành phố trực thuộc Trung ương.  ***Lí do:*** Bảo đảm phù hợp hơn với việc tổ chức chính quyền hai cấp, thống nhất với Luật Thủ đô. Đồng thời bảo đảm thống nhất, phù hợp với đoạn 2 khoản 1 Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính.  **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 52** theo hướng chỉnh sửa kỹ thuật về viện dẫn liên quan đến nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.  ***Lí do:*** Để bảo đảm thống nhất, phù hợp với Điều 37a dự thảo Luật. |
| **Điều 53. Thay đổi tên gọi, nhiệm vụ, quyền hạn của chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính**  1. Trường hợp chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Luật này có sự thay đổi về tên gọi nhưng không có sự thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn thì thẩm quyền xử phạt của chức danh đó được giữ nguyên.  2. Trường hợp chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có sự thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn thì thẩm quyền xử phạt của chức danh đó do Chính phủ quy định sau khi được sự đồng ý của Ủy ban thường vụ Quốc hội. | *(Được bãi bỏ)* | ***Lí do:*** Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước quy định: “Các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước dẫn đến thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn thì Chính phủ quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh đó phù hợp với các nguyên tắc của [Luật Xử lý vi phạm hành chính](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Vi-pham-hanh-chinh/Luat-xu-ly-vi-pham-hanh-chinh-2012-142766.aspx" \t "_blank)”. Qua đó, góp phần tăng cường sự chủ động của Chính phủ với vai trò là cơ quan thống nhất quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, bảo đảm xử lý kịp thời, thích ứng linh hoạt trước những biến động mạnh mẽ của tình hình kinh tế - xã hội. |
| **Điều 56. Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản**  1. Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ.  Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ thì phải lập biên bản.  ~~2. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, địa chỉ của cá nhân vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm; địa điểm xảy ra vi phạm; chứng cứ và tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định xử phạt; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng. Trường hợp phạt tiền thì trong quyết định phải ghi rõ mức tiền phạt.~~ | **Điều 56. Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản**  1. Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản được áp dụng trong trường hợp sau đây:  a) Phạt cảnh cáo  ***b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, 10.000.000 đồng đối với tổ chức.***  ***c) Quyết định xử phạt căn cứ vào biên bản kiểm tra, biên bản thanh tra, kết luận kiểm tra, kết luận thanh tra theo quy định pháp luật đã chỉ rõ hành vi vi phạm và điều, khoản của văn bản quy phạm pháp luật quy định hành vi vi phạm hành chính.***  2. Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện bằng sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ thì phải lập biên bản. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 56 như sau:**  **1.** **Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 56** quy định tăng mức tiền phạt làm cơ sở để xác định vi phạm hành chính không cần lập biên bản.  ***Lí do:*** Hiện nay, các hành vi vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước đang được quy định theo hướng tăng khung tiền phạt, đồng thời, dự thảo Luật đang dự kiến quy định tăng mức tiền phạt tối thiểu trong xử phạt vi phạm hành chính. Bên cạnh đó, việc tăng mức tiền phạt làm cơ sở để xác định xử phạt vi phạm hành chính không cần lập biên bản góp phần đơn giản hoá thủ tục xử phạt, giảm thiểu tối đa các trường hợp phải lập biên bản vi phạm hành chính, tiết kiệm thời gian và nguồn lực.  **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 56** quy định thêm trường hợp hành vi vi phạm hành chính phát hiện thông qua biên bản kiểm tra, biên bản thanh tra, kết luận kiểm tra, kết luận thanh tra đã chỉ rõ hành vi vi phạm và điều, khoản của văn bản quy phạm pháp luật quy định hành vi vi phạm hành chính thì không cần lập biên bản vi phạm hành chính.  ***Lí do:*** Đơn giản hoá thủ tục xử phạt, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xử lý vi phạm hành chính trong thực tiễn. |
| **Điều 58. Lập biên bản vi phạm hành chính**  1. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này.  Vi phạm hành chính xảy ra trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa thì người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu có trách nhiệm tổ chức lập biên bản và chuyển ngay cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính khi tàu bay, tàu biển, tàu hỏa về đến sân bay, bến cảng, nhà ga.  2. Biên bản vi phạm hành chính phải được lập tại nơi xảy ra hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập tại trụ sở cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản hoặc địa điểm khác thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.  ~~3. Biên bản vi phạm hành chính có nội dung chủ yếu sau đây:~~  ~~a) Thời gian, địa điểm lập biên bản;~~  ~~b) Thông tin về người lập biên bản, cá nhân, tổ chức vi phạm và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;~~  ~~c) Thời gian, địa điểm xảy ra vi phạm; mô tả vụ việc, hành vi vi phạm;~~  ~~d) Lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại;~~  ~~đ) Biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính;~~  ~~e) Quyền và thời hạn giải trình~~.  4. Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký, trừ trường hợp biên bản được lập theo quy định tại khoản 7 Điều này.  ~~Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất 01 người chứng kiến xác nhận việc cá nhân, tổ chức vi phạm không ký vào biên bản; trường hợp không có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của người chứng kiến thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.~~  5. Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản; trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn ~~24 giờ~~ kể từ khi lập biên bản, trừ trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa.  6. Trường hợp biên bản vi phạm hành chính có sai sót hoặc không thể hiện đầy đủ, chính xác các nội dung quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này thì phải tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 của Luật này để làm căn cứ ra quyết định xử phạt. Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính được lập thành biên bản xác minh. Biên bản xác minh là tài liệu gắn liền với biên bản vi phạm hành chính và được lưu trong hồ sơ xử phạt.  7. Biên bản vi phạm hành chính có thể được lập, gửi bằng phương thức điện tử đối với trường hợp cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin.  8. Biên bản vi phạm hành chính phải được lập đúng nội dung, hình thức, thủ tục theo quy định của Luật này và là căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 63 của Luật này và trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.  9. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. | **Điều 58. Lập biên bản vi phạm hành chính**  1. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản quy định tại khoản ***Điều 56 Luật này.***  Vi phạm hành chính xảy ra trên ***biển,*** tàu bay, tàu hỏa, tàu biển, ***phương tiện thủy nội địa*** thì người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu có trách nhiệm tổ chức lập biên bản và chuyển ngay cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính khi tàu bay, tàu hỏa, tàu biển, ***phương tiện thủy nội địa*** về đến sân bay, bến cảng, nhà ga.  2. Biên bản vi phạm hành chính phải được lập tại nơi xảy ra hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập tại trụ sở cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản hoặc địa điểm khác thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.  ***3. Người đã lập biên bản vi phạm hành chính hoặc người có thẩm quyền xử phạt nếu phát hiện biên bản vi phạm hành chính có sai sót thì có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung.***  ***Biên bản sửa đổi, bổ sung biên bản vi phạm hành chính là tài liệu không thể tách rời của biên bản vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung***.  4. Biên bản vi phạm hành chính có thể được lập, gửi bằng phương thức điện tử đối với trường hợp cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin.  5. Biên bản vi phạm hành chính được lập ***đúng theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính*** là căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền của người lập biên bản thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển ***kịp thời*** cho người có thẩm quyền xử phạt.  6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 58 như sau:**  **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 58** quy định thêm trường hợp vi phạm hành chính xảy ra trên phương tiện thuỷ nội địa, trên biển.  ***Lí do:*** Hiện nay, theo kiến nghị của một số địa phương, ngoài hành vi vi phạm xảy ra trên tàu bay, tàu biển, tàu tàu hoả thì còn xảy ra thường xuyên trên một số phương tiện khác, xảy ra ở ngoài đất liền, tạo điều kiện thuận lợi chi việc lập và chuyển biên bản vi phạm hành chính.  **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 58** quy định về nguyên tắc xử lý biên bản vi phạm hành chính có sai sót.  ***Lí do:*** Hướng dẫn, quy định rõ ràng về cách xử lý biên bản vi phạm hành chính có sai sót, tạo điều kiện thuận lợi cho người làm công tác xử lý vi phạm hành chính. Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính đã liệt kê các trường hợp để xác minh, sửa sai sót trong biển bản, tuy nhiên, Điều 59 vẫn đang quy định theo hướng liệt kê, chưa bảo đảm bao quát hết được tất cả các trường hợp đối với lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính tương đối phức tạp. Đồng thời, góp phần đơn giản hoá thủ tục xử phạt.  **3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 58 quy định** biên bản vi phạm hành chính được lập đúng theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính là căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đồng thời, quy định phải chuyển kịp thời biên bản vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, thay vì quy định cứng “24 giờ” như trước đây.  ***Lí do:*** Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả công tác xử phạt vi phạm hành chính, bảo đảm việc lập biên bản vi phạm hành chính được kịp thời, công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Qua đó, góp phần giảm thiểu các trường hợp xử phạt vi phạm hành chính bị đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần hoặc hủy bỏ toàn bộ quyết định xử phạt vi phạm hành chính; các trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính bị khiếu nại, khởi kiện; tránh gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.  Đồng thời, việc không quy định cứng thời hạn chuyển biên bản vi phạm hành chính trong thời hạn “24 giờ” để tạo cơ sở linh hoạt cho người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính.  **4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 58** theo hướng bãi bỏ một số nội dung biên bản vi phạm hành chính, thủ tục lập biên bản vi phạm hành chính, thông tin trong biên bản vi phạm hành chính.  ***Lí do:*** Những nội dung này sẽ được quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. |
| **Điều 59. Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính**  1. Khi xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong trường hợp cần thiết người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xác minh các tình tiết sau đây:  a) Có hay không có vi phạm hành chính;  b) Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính, lỗi, nhân thân của cá nhân vi phạm hành chính;  c) Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ;  d) Tính chất, mức độ thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra;  đ) Trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 65 của Luật này;  e) Tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc xem xét, quyết định xử phạt.  Trong quá trình xem xét, ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể trưng cầu giám định. Việc trưng cầu giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định.  2. Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính phải được thể hiện bằng văn bản. | **Điều 59. Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính**  1. Trong quá trình thụ lý, xem xét, xử lý vụ việc vi phạm, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính hoặc người có thẩm quyền xử phạt đối với vụ việc có trách nhiệm thực hiện xác minh tình tiết trong trường hợp cần thiết và có thể ***yêu cầu giám định, kiểm định, kiểm nghiệm, xét nghiệm*** để phục vụ cho việc xác minh.  ***2. Những người quy định tại khoản 1 Điều này tự mình hoặc tổ chức, phân công người thực hiện xác minh.***  3. Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm phải được thể hiện bằng văn bản. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 59** theo hướng mở rộng các trường hợp thực hiện xác minh, phục vụ việc xác minh và thẩm quyền xác minh. Theo đó, việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính không chỉ được thực hiện bởi người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong giai đoạn sau khi lập biên bản vi phạm hành chính như hiện nay, mà có thể được thực hiện trong quá trình xem xét để quyết định xử phạt vi phạm hành chính bởi người đang thụ lý, xem xét, xử lý vụ việc vi phạm đó.  ***Lí do:*** Tháo gỡ khó khăn vướng mắc theo kiến nghị của nhiều bộ, ngành và địa phương: Quy định này gây khó khăn, vướng mắc trong việc ủy quyền để xác minh tình tiết vi phạm (vì theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì Chủ tịch Uỷ ban nhân dân chỉ có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân hoặc người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân, tuy nhiên, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân hoặc người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân không thể uỷ quyền lại và trong trường hợp giao quyền thì cũng không thể ủy quyền). |
| **Điều 60. Xác định giá trị tang vật, phương tiện****vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt**  3. Trường hợp không thể áp dụng được căn cứ quy định tại khoản 2 Điều này để xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có thể ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm và thành lập Hội đồng định giá. Hội đồng định giá gồm có người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan là thành viên.  Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện để xác định giá trị không quá 48 giờ, kể từ thời điểm ra quyết định tạm giữ, trong trường hợp thật cần thiết thì thời hạn có thể kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 48 giờ. Mọi chi phí liên quan đến việc tạm giữ, định giá và thiệt hại do việc tạm giữ gây ra do cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ chi trả. Thủ tục, biên bản tạm giữ được thực hiện theo quy định tại Điều 125 của Luật này. | **Điều 60. Xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt**  3. Trường hợp không thể áp dụng được căn cứ quy định tại khoản 2 Điều này để xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có thể ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm và thành lập Hội đồng định giá. Hội đồng định giá gồm có người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan là thành viên.  ***Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện để xác định giá trị thực hiện theo khoản 8 Điều 125 của Luật này. Mọi chi phí liên quan đến việc tạm giữ, định giá và thiệt hại do việc tạm giữ gây ra do cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ chi trả. Thủ tục, biên bản tạm giữ được thực hiện theo quy định tại Điều 125 của Luật này.*** | **Sửa đổi, bổ sung khoản 3 của Điều 60** theo hướng tăng thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thực hiện theo khoản 8 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính.  ***Lí do:*** Tháo gỡ khó khăn vướng mắc theo kiến nghị của nhiều bộ, ngành và địa phương: Việc quy định thời hạn tạm giữ tang vật để xác định giá trị không quá 48 giờ, kể từ thời điểm ra quyết định tạm giữ (trong trường hợp cần thiết có thể kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 48 giờ) trên thực tế gặp rất nhiều khó khăn vì thời gian tạm giữ ngắn, trong khi đó phải thành lập Hội đồng định giá để xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính, Hội đồng định giá liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị và thực hiện nhiều thủ tục hành chính nên gây khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền xử phạt (một số cơ quan, đơn vị ở xa, khó khăn về đi lại, chi phí,...).  Đồng thời, việc tăng thời hạn tam giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính còn nhằm thống nhất, phù hợp với khoản 8 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính. |
| **Điều 62. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự**  1. Khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự. | **Điều 62. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự**  1. ***Khi xem xét vụ vi phạm***, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm ***liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm*** cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự. | **Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 62** từ “*khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính*” thành “*khi xem xét vụ vi phạm*” và “*chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm*” thành “*chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm liên quan trực tiếp đên hành vi vi phạm*”.  ***Lí do:*** Quy định tại Điều 62 Luật XLVPHC hiện hành còn có nhiều cách hiểu các nhau về thời điểm phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm là sau khi lập biên bản vi phạm hành chính hay trước khi lập biên bản vi phạm hành chính; phạm vi, nội dung cụ thể của hồ sơ cần chuyển khi phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm, dễ dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất trong thực tiễn. Việc sửa đổi, bổ sung như trên nhằm xác định là việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm được diễn ra trong suốt quá trình xử phạt vi phạm hành chính, làm rõ thành phần hồ sơ cần chuyển là các tài liệu, chứng cứ liên quan trực tiếp đến hành vi có dấu hiệu tội phạm, tránh tình trạng chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc hành chính không cần thiết hoặc không liên quan. Sửa đổi này góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giữa cơ quan xử phạt vi phạm hành chính và cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, đồng thời bảo đảm tính rõ ràng, cụ thể và khả thi trong tổ chức thực hiện. |
| **Điều 63. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính**  1. Đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có một trong các quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm (nếu có) và văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực  2. Việc xử phạt vi phạm hành chính được căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này chuyển đến. Trường hợp cần thiết phải xác minh thêm tình tiết để có căn cứ ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 của Luật này. | **Điều 63. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính**  1. Đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có một trong các quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (nếu có)***liên quan trực tiếp đến vi phạm được xác định là hành vi vi phạm hành chính trong vụ việc*** và văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực.  2. Việc xử phạt vi phạm hành chính được căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này chuyển đến. Trường hợp cần thiết phải xác minh thêm tình tiết để có căn cứ ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 của Luật này.  *2a. Trường hợp chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính mà không có một trong các quyết định quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì thực hiện như sau:*  *a) Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có trách nhiệm lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính trước khi chuyển hồ sơ;*  *b) Nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thì văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải có những nội dung chủ yếu sau đây: thông tin về cá nhân, tổ chức vi phạm và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; mô tả cụ thể, đầy đủ vụ việc, hành vi vi phạm; điểm, khoản, điều của nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.* | **Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 63 như sau:**  **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 63** theo hướng cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự khi chuyển quyết định tại khoản 1 Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (nếu có) phải gắn với vi phạm được xác định là hành vi vi phạm hành chính trong vụ việc.  ***Lí do:*** Hiện nay, nhiều vụ việc vi phạm hành chính có cả hành vi vi phạm hành chính và hành vi được cấu thành tội phạm hình sự nên khi chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền xử phạt để xử phạt theo quy định thì gây ra khó khăn, vướng mắc là có phải chuyển tất cả hồ sơ (bao gồm cả hồ sơ về hành vi vi phạm hình sự) đến người có thẩm quyền xử phạt hay không, hay chỉ chuyển hồ sơ có liên quan đến hành vi vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, phù hợp với thực tiễn.  **2. Bổ sung khoản 2a Điều 63** quy định thủ tục thực hiện chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính mà không có một trong các quyết định quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính.  ***Lí do:*** Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của nhiều bộ, ngành và địa phương: Hiện nay, nhiều trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng không chuyển hồ sơ vụ việc đến cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt mà không có các quyết định quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính, gây khó khăn cho việc xác định đối tượng, hành vi, các tình tiết liên quan,… |
| **Điều 65. Những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính**  1. Không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong những trường hợp sau đây:  a) Trường hợp quy định tại Điều 11 của Luật này;  b) Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính;  c) Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 6 hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt quy định tại khoản 3 Điều 63 hoặc khoản 1 Điều 66 của Luật này;  d) Cá nhân vi phạm hành chính chết, mất tích, tổ chức vi phạm hành chính đã giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt;  đ) Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Điều 62 của Luật này.  2. Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này, người có thẩm quyền không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nếu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc loại cấm tàng trữ,cấm lưu hành hoặc tang vật, phương tiện mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tịch thu và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với hành vi vi phạm hành chính đó.  Quyết định phải ghi rõ lý do không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu; biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng, trách nhiệm và thời hạn thực hiện.  ~~Việc tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản này không bị coi là đã bị xử phạt vi phạm hành chính.~~ | **Điều 65. Những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính**  1. Không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong những trường hợp sau đây:  a) Trường hợp quy định tại Điều 11 của Luật này;  b) Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính;  c) Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 6 hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt quy định tại khoản 3 Điều 63 hoặc khoản 1 Điều 66 của Luật này;  ***c1) Vi phạm thời hạn tại khoản 3 Điều 62 và khoản 1 Điều 63 của Luật này;***  ***c2) Vi phạm thủ tục xử phạt quy định tại Luật này;***  d) Cá nhân vi phạm hành chính chết, mất tích, tổ chức vi phạm hành chính đã giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt;  đ) Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Điều 62 của Luật này.  2. Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, ***c1, c2*** và d khoản 1 Điều này, người có thẩm quyền không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nếu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc loại cấm tàng trữ,cấm lưu hành hoặc tang vật, phương tiện mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tịch thu và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với hành vi vi phạm hành chính đó.  Quyết định phải ghi rõ lý do không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu; biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng, trách nhiệm và thời hạn thực hiện. | **Bổ sung điểm c1 vào sau điểm c khoản 1 Điều 65** theo hướng quy định thêm trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là vi phạm thời hạn tại khoản 3 Điều 62 và khoản 1 Điều 63 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và vi phạm thủ tục xử phạt quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính. Đồng thời, quy định trường hợp vi phạm về thủ tục, vi phạm thời hạn tại khoản 3 Điều 62 và khoản 1 Điều 63 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì không được ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với hành vi vi phạm hành chính đó.  ***Lí do:*** Nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình xử lý các quyết định xử phạt vi phạm hành chính có vi phạm về thủ tục, đồng thời, vẫn bảo đảm tính răn đe và kịp thời khôi phục trật tự quản lý nhà nước bị xâm hại. |
| **Điều 76. Hoãn thi hành quyết định phạt tiền**  1. Việc hoãn thi hành quyết định phạt tiền được áp dụng khi có đủ các điều kiện sau đây:  a) Cá nhân bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên, tổ chức bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng trở lên;  ~~b) Cá nhân đang gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn; tổ chức đang gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh.~~  ~~Trường hợp cá nhân gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp cá nhân gặp khó khăn về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn thì phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên.~~  ~~Trường hợp tổ chức đang gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.~~  2. Cá nhân, tổ chức phải có đơn đề nghị hoãn chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi người đã ra quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 68 của Luật này. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, người đã ra quyết định xử phạt xem xét, quyết định hoãn thi hành quyết định xử phạt đó.  Thời hạn hoãn thi hành quyết định xử phạt không quá 03 tháng, kể từ ngày có quyết định hoãn.  3. Cá nhân, tổ chức được hoãn chấp hành quyết định xử phạt được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đang bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật này. | **Điều 76. Hoãn thi hành quyết định phạt tiền**  1. Việc hoãn thi hành quyết định phạt tiền được áp dụng khi có đủ các điều kiện sau đây:  a) Cá nhân, tổ chức bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên, tổ chức bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng trở lên;  ***b) Đối tượng bị xử phạt đang gặp khó khăn về kinh tế.***  c) Đối tượng bị xử phạt phải có đơn đề nghị hoãn chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gửi người đã ra quyết định xử phạt trong thời hạn quy định ***tại khoản 2 Điều 68 của Luật này****.*  2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, ***người đã ra quyết định xử phạt hoặc người có thẩm quyền tại cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành*** xem xét, quyết định hoãn thi hành quyết định xử phạt đó.  Thời hạn hoãn thi hành quyết định xử phạt không quá 03 tháng, kể từ ngày có quyết định hoãn.  3. Cá nhân, tổ chức được hoãn chấp hành quyết định xử phạt được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đang bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật này, ***trừ trường hợp tạm giữ để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt.*** | **1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 76** quy định điều kiện được hoãn thi hành quyết định phạt tiền là gặp khó khăn về kinh tế, bãi bỏ quy định khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn; tổ chức đang gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh.  ***Lí do:*** Tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho đối tượng vi phạm chấp hành quyết định xử phạt, tránh gây thất thoát ngân sách nhà nước.  **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 76** theo hướng quy định thêm trách nhiệm xem xét, quyết định hoãn thi hành quyết định xử phạt của cơ quan có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định xử phạt, thay vì chỉ quy định trách nhiệm của người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính như trước đây.  ***Lí do:*** Bảo đảm phù hợp Điều 71 Luật Xử lý vi phạm hành chính về chuyển quyết định xử phạt để tổ chức thi hành.  **3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 76** theo quy định cá nhân, tổ chức được hoãn chấp hành quyết định xử phạt không được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đang bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính trong trường hợp tạm giữ để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt.  ***Lí do:*** Bảo đảm thống nhất với điểm c khoản 1 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính. |
| **Điều 77. Giảm, miễn tiền phạt**  1. Việc giảm một phần tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt đối với cá nhân, tổ chức đã được hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 76 của Luật này được quy định như sau:  a) Cá nhân tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế ~~do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn~~ và có xác nhận của ~~Ủy ban nhân dân cấp xã~~ nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc;  b) Tổ chức tiếp tục gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế ~~do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh~~ và có xác nhận của ~~Ủy ban nhân dân cấp xã,~~ Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.  2. Cá nhân được miễn phần tiền phạt còn lại ghi trong quyết định xử phạt do không có khả năng thi hành quyết định nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:  a) Đã được giảm một phần tiền phạt theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế ~~do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn~~ và có xác nhận của ~~Ủy ban nhân dân cấp xã~~ nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc;  b) Đã nộp tiền phạt lần thứ nhất hoặc lần thứ hai trong trường hợp được nộp tiền phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 79 của Luật này nhưng gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế ~~do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh,~~ mắc bệnh hiểm nghèo~~, tai nạn~~ và có xác nhận của ~~Ủy ban nhân dân cấp xã~~ nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp gặp khó khăn đột xuất về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên.  3. Tổ chức được miễn phần tiền phạt còn lại ghi trong quyết định xử phạt khi đáp ứng đủ điều kiện sau đây:  a) Đã được giảm một phần tiền phạt theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc đã nộp tiền phạt lần thứ nhất hoặc lần thứ hai trong trường hợp được nộp tiền phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 79 của Luật này;  b) Đã thi hành xong hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định xử phạt;  c) Tiếp tục gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và có xác nhận của ~~Ủy ban nhân dân cấp xã~~, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.  4. Cá nhân không có khả năng thi hành quyết định được miễn toàn bộ tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:  a) Đã được hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 76 của Luật này mà tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của ~~Ủy ban nhân dân cấp xã~~ nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc;  b) Bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên, đang gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của ~~Ủy ban nhân dân cấp xã~~ nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp gặp khó khăn đột xuất về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên.  5. Tổ chức được miễn toàn bộ tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt khi đáp ứng đủ điều kiện sau đây:  a) Đã được hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 76 của Luật này;  b) Đã thi hành xong hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định xử phạt;  c) Tiếp tục gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và có xác nhận của ~~Ủy ban nhân dân cấp xã~~, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.  6. Cá nhân, tổ chức phải có đơn đề nghị giảm, miễn tiền phạt kèm theo xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này gửi người đã ra quyết định xử phạt. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, người đã ra quyết định xử phạt xem xét, quyết định việc giảm, miễn và thông báo cho người có đơn đề nghị giảm, miễn biết; nếu không đồng ý với việc giảm, miễn thì phải nêu rõ lý do.  7. Cá nhân, tổ chức được giảm, miễn tiền phạt được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật này. | **Điều 77. Giảm, miễn tiền phạt**  1. Việc giảm một phần tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt đối với cá nhân, tổ chức đã được hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 76 của Luật này được quy định như sau:  a) Cá nhân tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế và có xác nhận của ***Ủy ban nhân dân cấp cơ sở*** nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc;  b) Tổ chức tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế và có xác nhận của ***Ủy ban nhân dân cấp cơ sở***, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.  2. Cá nhân được miễn phần tiền phạt còn lại ghi trong quyết định xử phạt do không có khả năng thi hành quyết định nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:  a) Đã được giảm một phần tiền phạt theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế và có xác nhận của ***Ủy ban nhân dân cấp cơ sở*** nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc;  b) Đã nộp tiền phạt lần thứ nhất hoặc lần thứ hai trong trường hợp được nộp tiền phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 79 của Luật này nhưng gặp khó khăn về kinh tế và có xác nhận của ***Ủy ban nhân dân cấp cơ sở*** nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp gặp khó khăn đột xuất về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.  3. Tổ chức được miễn phần tiền phạt còn lại ghi trong quyết định xử phạt khi đáp ứng đủ điều kiện sau đây:  a) Đã được giảm một phần tiền phạt theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc đã nộp tiền phạt lần thứ nhất hoặc lần thứ hai trong trường hợp được nộp tiền phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 79 của Luật này;  b) Đã thi hành xong hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định xử phạt;  c) Tiếp tục gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế ~~do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh~~ và có xác nhận của ***Ủy ban nhân dân cấp cơ sở*** Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.  4. Cá nhân không có khả năng thi hành quyết định được miễn toàn bộ tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:  a) Đã được hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 76 của Luật này mà tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế và có xác nhận của ***Ủy ban nhân dân cấp cơ sở*** nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc;  b) Bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên, đang gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của ***Ủy ban nhân dân cấp cơ sở*** nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp gặp khó khăn đột xuất về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên.  5. Tổ chức được miễn toàn bộ tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt khi đáp ứng đủ điều kiện sau đây:  a) Đã được hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 76 của Luật này;  b) Đã thi hành xong hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định xử phạt;  c) Tiếp tục gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế và có xác nhận của ***Ủy ban nhân dân cấp cơ sở***, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.  6. Cá nhân, tổ chức phải có đơn đề nghị giảm, miễn tiền phạt kèm theo xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này gửi người đã ra quyết định xử phạt. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, *người đã ra quyết định xử phạt hoặc người có thẩm quyền tại cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành*xem xét, quyết định việc giảm, miễn và thông báo cho người có đơn đề nghị giảm, miễn biết; nếu không đồng ý với việc giảm, miễn thì phải nêu rõ lý do.  7. Cá nhân, tổ chức được giảm, miễn tiền phạt được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật này, ***trừ trường hợp tạm giữ để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt đối với đối tượng được giảm một phần tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt.*** | **1. Sửa đổi, bổ sung Điều 77** quy định điều kiện để được giảm, miễn tiền phạt là gặp khó khăn về kinh tế, bãi bỏ quy định gặp khó khăn về kinh tế do khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn; tổ chức đang gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh (trừ trường hợp miễn toàn bộ tiền phạt đối với cá nhân).  ***Lí do:*** Tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho đối tượng vi phạm chấp hành quyết định xử phạt, tránh gây thất thoát ngân sách nhà nước.  **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 76** quy định thêm trách nhiệm xem xét, quyết định hoãn thi hành quyết định xử phạt của cơ quan có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định xử phạt, thay vì chỉ quy định trách nhiệm của người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính như trước đây.  ***Lí do:*** Bảo đảm phù hợp Điều 71 Luật Xử lý vi phạm hành chính về chuyển quyết định xử phạt để tổ chức thi hành.  **3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 77** quy định cá nhân, tổ chức được hoãn chấp hành quyết định xử phạt không được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đang bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính trong trường hợp tạm giữ để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt.  ***Lí do:*** Bảo đảm thống nhất với điểm c khoản 1 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính.  **4. Sửa đổi, bổ sung Điều 77** theo hướng quy định tên gọi của Uỷ ban nhân dân cấp xã thành Uỷ ban nhân dân cấp cơ sở.  ***Lí do:*** Thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra các nội dung cụ thể như: “xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”, “xây dựng đề án về hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện”,“rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”. |
| **Điều 80. Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn**  1. Trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn được ghi trong quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt thu giữ, bảo quản giấy phép, chứng chỉ hành nghề và thông báo ngay cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó biết. ~~Khi hết thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề ghi trong quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt giao lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho cá nhân, tổ chức đã bị tước giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó.~~ | **Điều 80. Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn**  1. Trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn được ghi trong quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt thu giữ, bảo quản giấy phép, chứng chỉ hành nghề, ***trừ trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghê trên môi trường điện tử.***  ***Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm thông báo ngay cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó biết để cập nhật trạng thái trên cơ sở dữ liệu hoặc căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử theo quy định.*** | **1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 80** quy định thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn có thể được thực hiện trên môi trường điện tử. Đồng thời, Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm thông báo ngay cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó biết để cập nhật trạng thái trên cơ sở dữ liệu hoặc căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử theo quy định (đối với trường hợp tước thủ công).  ***Lí do:*** Tạo điều kiện cho việc ứng dụng công nghệ thông tin vào xử phạt vị phạm hành, tạo sự thống nhất về số liệu xử phạt vi phạm hành chính.  **2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 80** theo hướng bãi bỏ quy định về thủ tục tướng quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.  ***Lí do:*** Các nội dung về thủ tục sẽ được quy định tại nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. |
| **Điều 83. Quản lý tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, chứng từ thu, nộp tiền phạt**  2. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.  Chứng từ thu, nộp tiền phạt được quản lý theo quy định của Chính phủ. | **Điều 83. Quản lý tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, chứng từ thu, nộp tiền phạt**  2. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.  Chứng từ thu, nộp tiền phạt được quản lý theo quy định của Chính phủ.  ***3. Bố trí tương ứng từ các khoản thu tiền xử phạt vi phạm hành chính sau khi nộp vào ngân sách nhà nước để tăng cường, hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị cho công tác xử lý vi phạm hành chính và phục vụ quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Chính phủ.*** | **Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 83** quy định bố trí tương ứng từ các khoản thu tiền xử phạt vi phạm hành chính sau khi nộp vào ngân sách nhà nước để phục vụ công tác xử lý vi phạm hành chính và phục vụ quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành.  ***Lí do:*** Tạo điều kiện để tăng cường, hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị cũng như các nguồn lực khác trong việc tổ chức thi hành pháp luật, quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính, góp phần tháo gỡ những khó khăn do thiếu hụt nhân lực, vật lực trong thời gian qua, đồng thời, bảo đảm thống nhất trong việc quản lý, sử dụng kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính giữa các lực lượng tham gia công tác xử lý vi phạm hành chính.  Trên thực tế, hiện nay, kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ sau khi nộp vào ngân sách nhà nước đã được bố trí, phân bổ cho Bộ Công an để tăng cường, hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị, phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, góp phần bảo đảm nguồn lực, tạo điều kiện chuyển biến mạnh mẽ cho công tác xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực này. |
| **Điều 86. Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính**  1. Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt được áp dụng trong các trường hợp sau đây:  a) Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt ~~theo quy định tại~~ ~~Điều 73 của Luật này~~;  b) Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 của Luật này.  2. Các biện pháp cưỡng chế bao gồm:  a) Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm;  b) Kê biên tài sản ~~có giá trị tương ứng với số tiền phạt~~ để bán đấu giá;  c) Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản.  d) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả ~~quy định tại~~ ~~khoản 1 Điều 28 của Luật này~~.  3. Chính phủ quy định cụ thể về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. | **Điều 86. Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính**  1. Cưỡng chế thi hành quyết định trong xử phạt được áp dụng trong các trường hợp sau đây:  ***a) Cá nhân, tổ chức không tự nguyện chấp hành quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính;***  b) Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 của Luật này.  2. Các biện pháp cưỡng chế bao gồm:  a) Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm;  ***b) Kê biên tài sản để bán đấu giá;***  c) Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản;  ***d) Tạm ngừng xuất cảnh đối với cá nhân chưa chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính;***  ***đ) Niêm phong trụ sở, địa điểm, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;***  ***e) Yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh***  g) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.  3. Chính phủ quy định cụ thể về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 86 như sau:**  **1. Sửa đổi, bổ sung khoản điểm a khoản 1 Điều 86** quy định mở rộng đối tượng bị cưỡng chế thi hành, theo đó, cá nhân, tổ chức không tự nguyện chấp hành quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính thì sẽ bị cưỡng chế, thay vì chỉ cưỡng chế đối với trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt như trước đây.  ***Lí do:*** Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong việc tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tăng tính răn đe đối với đối tượng vi phạm.  **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 86** quy định thêm sung thêm một số biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, gồm: Tạm ngừng xuất cảnh đối với cá nhân chưa chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Niêm phong trụ sở, địa điểm, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh.  ***Lí do:*** Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong việc tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tạo thuận lợi hơn cho lực lượng thực thi, trên cơ sở rà soát, đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và đặc điểm kinh tế - xã hội của Việt Nam. Đồng thời, tăng tính răn đe đối với đối tượng vi phạm.  **3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 86** quy định biện pháp kê bên tài sản để bán đấu giá, thay vì quy định phải kê biên tài sản cho giá trị tương đương mức tiền phạt trong quyết định xử phạt để bán đấu giá.  ***Lí do:*** Mục đích làm rõ, thống nhất về cách hiểu của biện pháp này, trường hợp cưỡng chế, chỉ cần kê biên những tài sản có khả năng đấu giá để đấu giá thành tiền, không cần phải chọn loại tải sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt. |
| **Điều 87. Thẩm quyền quyết định cưỡng chế**  1. Những người sau đây có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế:  a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp;  b) Trưởng đồn Công an, Trưởng Công an cấp huyện, Giám đốc Công an cấp tỉnh, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng, Tư lệnh Cảnh sát cơ động;  c) Đồn trưởng Đồn biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng; Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm; Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam;  d) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực Thuộc trung ương; Đội trưởng Đội Điều tra hình sự, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Kiểm tra sau thông quan; Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan; Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;  đ) Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng, Cục trưởng Cục Kiểm lâm;  e) Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng, Cục trưởng Cục Kiểm ngư;  g) Chi cục trưởng Chi cục Thuế, Cục trưởng Cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;  h) Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường;  i) Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh quốc gia;  k) Các chức danh quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 46 của Luật này;  l) Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Giám đốc Cảng vụ hàng không, Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa;  m) Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự khu vực, Chánh án Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Chánh tòa chuyên trách Tòa án nhân dân cấp cao; Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, Trưởng phòng Phòng Thi hành án cấp quân khu, Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng;  n) Kiểm toán trưởng;  o) Người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài.  2. Người có thẩm quyền cưỡng chế quy định tại khoản 1 Điều này có thể giao quyền cho cấp phó. Việc giao quyền được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện quyền được giao. Người được giao quyền không được giao quyền cho người khác.  3. Người có thẩm quyền thuộc cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để tổ chức thi hành quy định tại Điều 71 của Luật này ra quyết định cưỡng chế hoặc báo cáo cấp trên của mình ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. | **Điều 87. Thẩm quyền quyết định cưỡng chế**  1. Thẩm quyền cưỡng chế thi hành quyết định trong xử phạt được xác định như sau:  ***a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có thẩm quyền cưỡng chế đối với quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của mình hoặc của cấp dưới ban hành;***  b) Người có thẩm quyền thuộc cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để tổ chức thi hành ra quyết định cưỡng chế hoặc báo cáo cấp trên của mình ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.  2. Người có thẩm quyền cưỡng chế quy định tại khoản 1 Điều này có thể giao quyền cho cấp phó. Việc giao quyền được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện quyền được giao. Người được giao quyền không được giao quyền cho người khác. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 87** theo hướng mở rộng thẩm quyền cưỡng chế đối với quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của mình hoặc của cấp dưới ban hành, theo đó, người có thẩm quyền xử phạt sẽ có thẩm quyền cưỡng chế.  ***Lí do:***  - Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong công tác cưỡng chế thi hành quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính.  - Thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra các nội dung cụ thể như: “xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”, “xây dựng đề án về hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện”, “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”. |
| **Điều 88. Thi hành quyết định cưỡng chế**  1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người ra quyết định phải gửi quyết định cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, cơ quan, tổ chức thực hiện việc cưỡng chế và cá nhân, tổ chức có liên quan.  ~~Người ra quyết định cưỡng chế tổ chức thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới.~~  Việc gửi quyết định cưỡng chế cho các cá nhân, tổ chức liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều 70 của Luật này.  Quyết định cưỡng chế phải được thi hành ngay khi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế nhận được quyết định cưỡng chế.  2. Cá nhân, tổ chức nhận được quyết định cưỡng chế phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định cưỡng chế và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.  2a. Thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế được tính kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế cho đến thời điểm chấm dứt hiệu lực thi hành của quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật này; quá thời hạn này thì không thi hành quyết định cưỡng chế đó, trừ trường hợp quyết định xử phạt có áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn phải cưỡng chế tịch thu tang vật, phương tiện, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đó.  3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc phối hợp thi hành quyết định cưỡng chế:  a) Cá nhân, tổ chức liên quan có nghĩa vụ phối hợp với người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các quyết định cưỡng chế;  b) Lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc quyết định cưỡng chế của các cơ quan nhà nước khác khi được yêu cầu;  ~~c) Tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế thi hành mở tài khoản có trách nhiệm cung cấp thông tin về điều kiện thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của người có thẩm quyền cưỡng chế; tiến hành phong tỏa số tiền trong tài khoản tương đương với số tiền mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải nộp hoặc phong tỏa toàn bộ số tiền trong tài khoản trong trường hợp số dư trong tài khoản tiền gửi ít hơn số tiền mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải nộp; thực hiện việc trích chuyển số tiền phải nộp theo yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế. Trong thời hạn 05 ngày làm việc trước khi trích chuyển, tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm thông báo cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế biết việc trích chuyển; việc trích chuyển không cần sự đồng ý của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.~~  Chính phủ quy định chi tiết điểm này. | **Điều 88. Thi hành quyết định cưỡng chế**  1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính, người ra quyết định phải gửi quyết định cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, cơ quan, tổ chức thực hiện việc cưỡng chế và cá nhân, tổ chức có liên quan.  ***Việc gửi quyết định cưỡng chế cho các cá nhân, tổ chức liên quan được thực hiện như đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính***.  Quyết định cưỡng chế phải được thi hành ngay khi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế nhận được quyết định cưỡng chế.  2. Cá nhân, tổ chức nhận được quyết định cưỡng chế phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định cưỡng chế và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.  3. Thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được tính kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế cho đến thời điểm chấm dứt hiệu lực thi hành của quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật này.  ***4. Thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế thi hành các quyết định khác trong xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế.***  ***5. Quá thời hạn quy định tại các khoản 3 và 4 Điều này thì không thi hành quyết định cưỡng chế đó, trừ trường hợp quyết định có áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn phải cưỡng chế tịch thu tang vật, phương tiện, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đó.***  6. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc phối hợp thi hành quyết định cưỡng chế:  a) Cá nhân, tổ chức liên quan có nghĩa vụ phối hợp với người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các quyết định cưỡng chế;  b) Lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc quyết định cưỡng chế của các cơ quan nhà nước khác khi được yêu cầu.  7. Chính phủ quy định chi tiết khoản 6 Điều này. | **Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 88** quy định thời hiệu thi hành các quy định khác trong xử phạt vi phạm hành chính (ngoài quyết định xử phạt vi phạm hành chính) là 01 năm, kể từ ngày ra quyết định. Nếu quá thời hạn thì không thi hành quyết định cưỡng chế đó, trừ trường hợp quyết định có áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn phải cưỡng chế tịch thu tang vật, phương tiện, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đó.  ***Lí do:*** Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong công tác cưỡng chế thi hành quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính. |
| **Điều 97. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**  *~~1. Trưởng Công an cấp xã nơi người vi phạm thuộc đối tượng quy định tại Điều 90 của Luật này cư trú hoặc nơi họ có hành vi vi phạm pháp luật tự mình hoặc theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã hoặc đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị dân cư ở cơ sở lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.~~*  *~~2. Trong trường hợp người vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng quy định tại Điều 90 của Luật này thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người đó.~~*  3. Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch, tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó, bệnh án (nếu có), bản tường trình của người vi phạm và các tài liệu khác có liên quan.  Đối với người chưa thành niên bị xem xét áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì hồ sơ phải có nhận xét của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên đang học tập, làm việc (nếu có), ý kiến của cha mẹ hoặc người giám hộ.  4. ~~Cơ quan~~ lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ; đối với người chưa thành niên thì còn phải thông báo cho cha mẹ hoặc người giám hộ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo. | **Điều 97. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại cơ sở**  ***1. Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại cơ sở.***  2. Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch, tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó, bệnh án (nếu có), bản tường trình của người vi phạm và các tài liệu khác có liên quan.  Đối với người chưa thành niên bị xem xét áp dụng biện pháp giáo dục tại cơ sở thì hồ sơ phải có nhận xét của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên đang học tập, làm việc (nếu có), ý kiến của cha mẹ hoặc người giám hộ.  3. ***Người*** lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ; đối với người chưa thành niên thì còn phải thông báo cho cha mẹ hoặc người giám hộ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo. | ***Sửa đổi, bổ sung Điều 97 như sau:***  **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 97** theo hướng thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thị trấn trên cơ sở quy định tổng quát “Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại cơ sở”, thay vì quy định cụ thể các chức danh, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền lập hồ sơ như trước đây.  ***Lí do:*** Thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra các nội dung cụ thể như: “xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”, “xây dựng đề án về hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện”, “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”.  **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 97** quy định trách nhiệm của “người” lập hồ sơ, thay vì quy định trách nhiệm của “cơ quan” lập hồ sơ.  ***Lí do:*** Vì cơ quan là một tổ chức, năng lực hành vi của tổ chức được thực hiện thông qua cá nhân (năng lực hành vi “ảo”). Do đó, quy định trách nhiệm của “người” lập hồ sơ là bảo đảm theo quy định của pháp luật dân sự. |
| **Điều 98. Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**  1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 97 của Luật này, cơ quan lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 97 của Luật này gửi hồ sơ cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.  Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức và chủ trì cuộc họp tư vấn ~~với sự tham gia của Trưởng Công an cấp xã, công chức tư pháp - hộ tịch, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội cùng cấp có liên quan, đại diện dân cư ở cơ sở. Người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người đại diện hợp pháp của họ, cha mẹ, người giám hộ của người chưa thành niên phải được mời tham gia cuộc họp và phát biểu ý kiến của mình về việc áp dụng biện pháp~~.  ~~2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp tư vấn quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.~~ Tùy từng đối tượng mà ~~Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã~~ quyết định giao người được giáo dục cho cơ quan, tổ chức, gia đình quản lý, giáo dục; nếu đối tượng không có nơi cư trú ổn định thì giao cho cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em để quản lý, giáo dục.  ~~3. Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người được giáo dục; hành vi vi phạm pháp luật của người đó; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng; thời hạn áp dụng; ngày thi hành quyết định; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình được giao giáo dục, quản lý người được giáo dục; quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.~~  ~~4. Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có hiệu lực kể từ ngày ký và phải được gửi ngay cho người được giáo dục, gia đình người đó, Hội đồng nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan.~~  5. Hồ sơ về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ. | **Điều 98. Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại cơ sở**  ***1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan lập hồ sơ đề nghị gửi hồ sơ cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở.***  ***3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại cơ sở. Trong thời gian xem xét, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở có thể tổ chức các cuộc họp tư vấn để làm cơ sở xem xét, quyết định áp dụng biện pháp này.***  4. Tùy từng đối tượng mà ***Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở*** quyết định giao người được giáo dục cho cơ quan, tổ chức, gia đình quản lý, giáo dục; nếu đối tượng không có nơi cư trú ổn định thì giao cho cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em để quản lý, giáo dục.  5. Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại cơ sở có hiệu lực kể từ ngày ký và phải được gửi ngay cho người được giáo dục, gia đình người đó, Hội đồng nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan.  6. Hồ sơ về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại cơ sở phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 98 như sau:**  **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 98** quy định về trình tự, thủ tục xem xét, ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại cơ sở của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp cơ sở. Trong đó, sửa đổi, bổ sung theo hướng đơn giản hoá thủ tục ra quyết định là bãi bỏ cuộc họp tư vấn với sự tham gia của Trưởng Công an cấp xã, công chức tư pháp - hộ tịch, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội cùng cấp có liên quan, đại diện dân cư ở cơ sở, nười bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại cơ sở, người đại diện hợp pháp của họ, cha mẹ, người giám hộ của người chưa thành niên.  **2. Sửa đổi, bổ sung Điều 98** theo hướng thay đổi tên gọi của Chủ tịch Uỷ ban nhân dâ cấp xã thành Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp cơ sở.  ***Lí do:***  - Đơn giản hoá thủ tục trong áp dụng biện pháp xử lý hành chính.  - Thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra các nội dung cụ thể như: “xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”, “xây dựng đề án về hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện”, “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”. |
| **Điều 99. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng**  ~~1. Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với đối tượng quy định tại Điều 92 của Luật này được thực hiện như sau:~~  ~~a) Đối với người chưa thành niên vi phạm có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.~~  Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người vi phạm; biện pháp giáo dục đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ, ý kiến của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên đang học tập hoặc làm việc (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan;  ~~b) Đối với người chưa thành niên vi phạm không có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.~~  Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; bản trích lục tiền án, tiền sự; biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có); bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ;  ~~c) Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.~~  ~~2. Trong trường hợp người chưa thành niên vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định tại Điều 92 của Luật này thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người đó.~~  Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.  3. ~~Cơ quan~~ lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng, cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo. | **Điều 99. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng**  ***1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở, Thủ trưởng cơ quan Công an lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.***  2. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng bao gồm các tài liệu chủ yếu như sau: bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người vi phạm; biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có); bản trích lục tiền án, tiền sự (nếu có); bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ, ý kiến của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên đang học tập hoặc làm việc (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan.  3. ***Người*** lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng, cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 99 như sau:**  **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 99** theo hướng thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng trên cơ sở quy định tổng quát “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở, Thủ trưởng cơ quan Công an lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng”, thay vì quy định cụ thể các chức danh, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền lập hồ sơ như trước đây.  ***Lí do:*** Thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra các nội dung cụ thể như: “xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”, “xây dựng đề án về hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện”, “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”.  **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 99** quy định trách nhiệm của “người” lập hồ sơ, thay vì quy định trách nhiệm của “cơ quan” lập hồ sơ.  ***Lí do:*** Vì cơ quan là một tổ chức, năng lực hành vi của tổ chức được thực hiện thông qua cá nhân (năng lực hành vi “ảo”). Do đó, quy định trách nhiệm của “người” lập hồ sơ là bảo đảm theo quy định của pháp luật dân sự. |
| **Điều 100. Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng**  1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 99 của Luật này, ~~Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã~~ gửi hồ sơ cho ~~Trưởng Công an cấp huyện~~. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, ~~Trưởng Công an cấp huyện~~ quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị ~~Tòa án nhân dân cấp huyện~~ áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì ~~Trưởng Công an cấp huyện~~ chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ; thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận lại hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, ~~Trưởng Công an cấp huyện~~ quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị ~~Tòa án nhân dân cấp huyện~~ áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.  Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 99 của Luật này, ~~Trưởng Công an cấp huyện,~~ Giám đốc Công an cấp tỉnh trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 99 của Luật này quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị ~~Tòa án nhân dân cấp huyện~~ nơi người bị đề nghị áp dụng có hành vi vi phạm để quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.  2. Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng bao gồm:  a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng quy định tại Điều 99 của Luật này;  b) Văn bản ~~của Trưởng công an cấp huyện,~~ Giám đốc Công an cấp tỉnh về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.  3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ. | **Điều 100. Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng**  1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 99 của Luật này, ***Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở*** gửi hồ sơ cho ~~Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm quyền~~. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, ***Thủ trưởng cơ quan Công an*** quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị ***Tòa án nhân dân có thẩm quyền*** áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì ***Thủ trưởng cơ quan Công an*** chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ; thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận lại hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, ***Thủ trưởng cơ quan Công an*** quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị ***Tòa án nhân dân*** áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.  Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 99 của Luật này, ***Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm quyền*** quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị ***Tòa án nhân dân có thẩm quyền*** đưa vào trường giáo dưỡng.  2. Hồ sơ đề nghị ***Tòa án nhân dân*** xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng bao gồm:  a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng quy định tại Điều 99 của Luật này;  ***b) Văn bản đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.***  3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 100 như sau:**  **1. Sửa đổi, bổ sung Điều 100**  theo hướng thay đổi tên gọi của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã thành Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp cơ sở; Trường Công an cấp huyện thành Thủ trưởng cơ quan Công an, Toà án nhân dân cấp huyện thành Toà án nhân dân/Toà án nhân dân có thẩm quyền.  **2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 100** theo hướng thay đổi tên gọi “văn bản của Trưởng công an cấp huyện, Giám đốc Công an cấp tỉnh về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng” thành “văn bản đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng” trong thành phần hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.  ***Lí do:***  Thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra các nội dung cụ thể như: “xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”, “xây dựng đề án về hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện”, “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”. |
| **Điều 101. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc**  ~~1. Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với đối tượng quy định tại Điều 94 của Luật này được thực hiện như sau:~~  ~~a) Đối với người vi phạm có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.~~  Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan;  ~~b) Đối với người không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải xác minh; trường hợp xác định được nơi cư trú thì có trách nhiệm chuyển người đó kèm theo biên bản vi phạm về địa phương để xử lý; trường hợp không xác định được nơi cư trú của người đó thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.~~  Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; bản trích lục tiền án, tiền sự; biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có); bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ;  ~~c) Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.~~  ~~2. Trường hợp người vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định tại Điều 94 của Luật này thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với người đó.~~  Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.  3. ~~Cơ quan~~ lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo. | **Điều 101. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc**  ***1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở, Thủ trưởng cơ quan Công an, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 118 của Luật này lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.***  2. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc bao gồm các tài liệu chủ yếu như sau: bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người vi phạm; biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có); bản trích lục tiền án, tiền sự (nếu có); bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan;  3. ***Người*** lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 101 như sau:**  **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 101** theo hướng thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc trên cơ sở quy định tổng quát “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở, Thủ trưởng cơ quan Công an, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 118 của Luật này lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc”, thay vì quy định cụ thể các chức danh, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền lập hồ sơ như trước đây.  ***Lí do:*** Thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra các nội dung cụ thể như: “xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”, “xây dựng đề án về hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện”, “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”.  **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 101** quy định thêm thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc của Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc.  ***Lí do:*** Bảo đảm thống nhất, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 118.  **3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 101** quy định trách nhiệm của “người” lập hồ sơ, thay vì quy định trách nhiệm của “cơ quan” lập hồ sơ.  ***Lí do:*** Vì cơ quan là một tổ chức, năng lực hành vi của tổ chức được thực hiện thông qua cá nhân (năng lực hành vi “ảo”). Do đó, quy định trách nhiệm của “người” lập hồ sơ là bảo đảm theo quy định của pháp luật dân sự. |
| **Điều 102. Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc**  1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 101 của Luật này hoặc kể từ ngày Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc lập biên bản về hành vi vi phạm mới quy định tại khoản 3 Điều 118 của Luật này, ~~Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã,~~ Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc gửi hồ sơ cho ~~Trưởng Công an cấp huyện~~. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, ~~Trưởng Công an cấp huyện~~ quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị ~~Tòa án nhân dân cấp huyện~~ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Trưởng Công an cấp huyện chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ; thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận lại hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, ~~Trưởng Công an cấp huyện~~ quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị ~~Tòa án nhân dân cấp huyện~~ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.  Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 101 của Luật này, ~~Trưởng Công an cấp huyện,~~ Giám đốc Công an cấp tỉnh trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 101 của Luật này quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị ~~Tòa án nhân dân cấp huyện~~ nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp có hành vi vi phạm để quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.  2. Hồ sơ đề nghị ~~Tòa án nhân dân cấp huyện~~ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc bao gồm:  a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc quy định tại Điều 101 và Điều 118 của Luật này;  b) Văn bản của ~~Trưởng Công an cấp huyện,~~ Giám đốc Công an cấp tỉnh về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.  3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ. | **Điều 102. Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc**  1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 101 của Luật này hoặc kể từ ngày Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc lập biên bản về hành vi vi phạm mới quy định tại khoản 3 Điều 118 của Luật này, ***Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở***, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc gửi hồ sơ cho ***Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm quyền***. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, ***Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm quyền*** quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị ***Tòa án nhân dân có thẩm quyền*** áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ; thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận lại hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, ***Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm quyền*** quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị ***Tòa án nhân dân có thẩm quyền*** áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.  Trường hợp Thủ trưởng cơ quan Công an là người lập hồ sơ đề nghị, thì trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 101 của Luật này, ***Thủ trưởng cơ quan Công an*** quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị ***Tòa án nhân dân có thẩm quyền*** áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.  2. Hồ sơ đề nghị ***Tòa án nhân dân*** xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc bao gồm:  a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc quy định tại Điều 101 và Điều 118 của Luật này;  ***b) Văn bản đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.***  3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 102 như sau:**  **1. Sửa đổi, bổ sung Điều 102** theo hướng thay đổi tên gọi của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã thành Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp cơ sở; Trường Công an cấp huyện thành Thủ trưởng cơ quan Công an, Toà án nhân dân cấp huyện thành Toà án nhân dân/Toà án nhân dân có thẩm quyền.  **2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 100** theo hướng thay đổi tên gọi “văn bản của Trưởng Công an cấp huyện, Giám đốc Công an cấp tỉnh về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc” thành “văn bản đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ cở giáo dục bắt buộc” trong thành phần hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.  ***Lí do:***  Thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra các nội dung cụ thể như: “xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”, “xây dựng đề án về hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện”, “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”. |
| **Điều 103. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**  1~~. Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy quy định tại~~ ~~Điều 96 của Luật này được thực hiện như sau:~~  ~~a) Đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;~~  ~~b) Đối với người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;~~  ~~c) Trường hợp người nghiện ma túy do cơ quan Công an cấp huyện hoặc cơ quan Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại~~ ~~Điều 96 của Luật này thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người đó;~~  d) Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; bản tường trình của người nghiện ma túy hoặc của người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan;  ~~đ) Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều này.~~  2. ~~Cơ quan~~ lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo. | **Điều 103. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**  ***1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở, Thủ trưởng cơ quan Công an lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.***  2. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bao gồm các tài liệu chủ yếu như sau: bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; bản tường trình của người nghiện ma túy hoặc của người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan;  3. ***Người*** lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 103 như sau:**  **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 103** theo hướng thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc trên cơ sở quy định tổng quát “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở, Thủ trưởng cơ quan Công an lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”, thay vì quy định cụ thể các chức danh, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền lập hồ sơ như trước đây.  ***Lí do:*** Thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra các nội dung cụ thể như: “xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”, “xây dựng đề án về hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện”, “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”.  **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 103** quy định trách nhiệm của “người” lập hồ sơ, thay vì quy định trách nhiệm của “cơ quan” lập hồ sơ.  ***Lí do:*** Vì cơ quan là một tổ chức, năng lực hành vi của tổ chức được thực hiện thông qua cá nhân (năng lực hành vi “ảo”). Do đó, quy định trách nhiệm của “người” lập hồ sơ là bảo đảm theo quy định của pháp luật dân sự. |
| **Điều 104. Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**  1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ, Công an cấp tỉnh gửi hồ sơ cho ~~Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội~~ cấp huyện nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp có hành vi vi phạm; ~~Công an cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã~~ gửi hồ sơ cho ~~Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện~~. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, ~~Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện~~ quyết định chuyển hồ sơ đề nghị ~~Tòa án nhân dân cấp huyện~~ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì ~~Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện~~ chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ; thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận lại hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, ~~Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện~~ quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị ~~Tòa án nhân dân cấp huyện~~ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.  2. Hồ sơ đề nghị ~~Tòa án nhân dân cấp huyện~~ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bao gồm:  a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Điều 103 của Luật này;  b) Văn bản ~~của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện~~ về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.  3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ. | **Điều 104. Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**  1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 103 Luật này, ***Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở*** gửi hồ sơ cho ***Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm quyền***. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, ***Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm quyền*** quyết định chuyển hồ sơ đề nghị ***Tòa án nhân dân có thẩm quyền*** áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì ***Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm*** quyền chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ; thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận lại hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, ***Thủ trưởng cơ quan Công an*** có thẩm quyền quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị ***Tòa án nhân dân có thẩm quyền*** áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.  Trường hợp ***Thủ trưởng cơ quan Công an*** là người lập hồ sơ đề nghị, thì trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ, ***Thủ trưởng cơ quan Công an*** quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị ***Tòa án nhân dân có thẩm quyền*** áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.  2. Hồ sơ đề nghị ***Tòa án nhân dân*** xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bao gồm:  a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Điều 103 của Luật này;  ***b) Văn bản đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.***  3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 104 như sau:**  **1. Sửa đổi, bổ sung Điều 102**theo hướng thay đổi tên gọi của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã thành Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp cơ sở; Trường Công an cấp huyện thành Thủ trưởng cơ quan Công an, Toà án nhân dân cấp huyện thành Toà án nhân dân/Toà án nhân dân có thẩm quyền. Đồng thời, chuyển nhiệm vụ xem xét hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Phòng Lao động – Thương Binh và Xã hội sang cơ quan Công an có thẩm quyền.  **2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 104** theo hướng thay đổi tên gọi “văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” thành “văn bản đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ cở cai nghiện bắt buộc” trong thành phần hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.  ***Lí do:***  Thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra các nội dung cụ thể như: “xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”, “xây dựng đề án về hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện”, “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”. |
| **Điều 105. Thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính**  1. ~~Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã~~ có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.  2. ~~Tòa án nhân dân cấp huyện~~ có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. | **Điều 105. Thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính**  1. ***Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở*** có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại cơ sở.  ***2. Thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.*** | **Sửa đổi bổ sung Điều 105 như sau:**  **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 105** theo hướng thay đổi tên gọi của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã thành Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp cơ sở.  ***Lí do:*** Thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra các nội dung cụ thể như: “xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”, “xây dựng đề án về hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện”, “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”.  **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 105** quy định Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.  ***Lí do:*** Bảo đảm thống nhất, phù hợp với khoản 4 Điều 4 dự thảo Luật. |
| **Điều 106. Trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính**  Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. | *(được bãi bỏ)* | ***Lí do:*** Bảo đảm thống nhất, phù hợp với khoản 4 Điều 4 dự thảo Luật. |
| **Điều 107. Gửi quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để thi hành**  Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực, Tòa án nhân dân đã ra quyết định phải gửi quyết định cho người bị áp dụng, cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính ~~hoặc cơ quan Công an cùng cấp trong trường hợp Công an cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị~~, ~~Ủy ban nhân dân cấp xã~~ nơi người đó cư trú và các cơ quan hữu quan để thi hành theo quy định của pháp luật; quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng còn được gửi cho cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ. | **Điều 107. Gửi quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để thi hành**  Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực, Tòa án nhân dân đã ra quyết định phải gửi quyết định cho người bị áp dụng, cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, ***Ủy ban nhân dân cấp cơ sở*** nơi người đó cư trú và các cơ quan hữu quan để thi hành theo quy định của pháp luật; quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng còn được gửi cho cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 107** theo hướng thay đổi tê gọi nơi gửi quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, từ Uỷ ban nhân dân cấp xã thành Uỷ ban nhân dân cấp cơ sở. Đồng thời, sửa đổi theo hướng bãi bỏ cơ quan Công an cùng cấp trong trường hợp Công an cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị trong danh sách nhận quyết định (không còn Toà án nhân dân cấp huyện và cơ quan Công an cấp huyện).  ***Lí do:*** Thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra các nội dung cụ thể như: “xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”, “xây dựng đề án về hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện”, “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”. |
| **Điều 110. Thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**  1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ quan nhận được quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính quy định tại Điều 107 của Luật này có trách nhiệm tổ chức thi hành như sau:  a) ~~Công an cấp huyện~~ đưa người phải chấp hành quyết định vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc;  b) ~~Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội~~ phối hợp với ~~Công an cấp huyện~~ đưa người phải chấp hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. | **Điều 110. Thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**  *1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc,* ***cơ quan Công an*** *đưa người phải chấp hành quyết định vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.* | **Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 110**theo hướng thay đổi tên gọi của cơ quan công an cấp huyện thành cơ quan công an. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung theo hướng bãi bỏ trách nhiệm thi hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Phòng Lao động – Thương binh – Xã hội (nhiệm vụ quản lý cai nghiện và sau cai nghiện đã được chuyển sang cơ quan Công an).  ***Lí do:*** Thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra các nội dung cụ thể như: “xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”, “xây dựng đề án về hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện”, “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”. |
| **Điều 123. Thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính**  ~~1. Trong trường hợp quy định tại~~ ~~khoản 1 Điều 122 của Luật này, thì những người sau đây có quyền quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính:~~  ~~a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;~~  ~~b) Trưởng Công an phường, Trưởng Công an xã, thị trấn đã tổ chức công an chính quy theo quy định của Luật Công an nhân dân; Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế; Trưởng trạm Công an cửa khẩu;~~  ~~c) Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma~~ ~~túy; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ, Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh đối ngoại;~~  ~~d) Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động từ cấp đại đội trở lên;~~  ~~đ) Hạt trưởng Hạt kiểm lâm, Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng; Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư thuộc Chi cục Kiểm ngư vùng, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng, Cục trưởng Cục Kiểm ngư;~~  ~~e) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan; Đội trưởng Đội Điều tra hình sự, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu và Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu;~~  ~~g) Đội trưởng Đội quản lý thị trường; Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường;~~  ~~h) Đồn trưởng Đồn Biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng, Hải đội trưởng Hải đội Biên phòng, Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh;~~  ~~i) Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển, Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển, Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy;~~  ~~k) Người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu khi tàu bay, tàu biển, tàu hỏa đã rời sân bay, bến cảng, nhà ga;~~  ~~l) Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.~~  2. Người có thẩm quyền tạm giữ người quy định tại các điểm từ a đến i khoản 1 Điều này có thể giao quyền cho cấp phó thực hiện thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính khi vắng mặt. Việc giao quyền phải được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện quyền được giao. Người được giao quyền không được giao quyền cho người khác. | **Điều 123. Thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính**  ***1. Người có thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính là người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Luật này.***  2. Người có thẩm quyền tạm giữ người có thể giao quyền cho cấp phó thực hiện thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính khi vắng mặt. Việc giao quyền phải được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện quyền được giao. Người được giao quyền không được giao quyền cho người khác. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 123** theo hướng mở rộng thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính, theo đó, người có thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính là người có thẩm quyền xử phạt.  ***Lí do:***  - Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong công tác xử phạt vi phạm hành chính.  - Thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra các nội dung cụ thể như: “xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”, “xây dựng đề án về hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện”, “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”. |
| **Điều 125. Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính**  1. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp thật cần thiết sau đây:  a) Để xác minh tình tiết mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ ra quyết định xử phạt. Trường hợp tạm giữ để định giá tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì áp dụng quy định của khoản 3 Điều 60 của Luật này;  4. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và được thực hiện như sau:  a) Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đang giải quyết vụ việc lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 9 Điều này;  b) Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản, người lập biên bản phải báo cáo người có thẩm quyền tạm giữ về tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã tạm giữ để xem xét ra quyết định tạm giữ; quyết định tạm giữ phải được giao cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm 01 bản.  Trường hợp không ra quyết định tạm giữ thì phải trả lại ngay tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.  Đối với trường hợp tang vật là hàng hóa dễ hư hỏng thì người tạm giữ phải báo cáo ngay thủ trưởng trực tiếp để xử lý, nếu để hư hỏng hoặc thất thoát thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.  5a. Khi thực hiện việc tạm giữ, người lập biên bản, người có thẩm quyền tạm giữ phải niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, trừ các trường hợp sau đây:  a) Động vật, thực vật sống;  b) Hàng hóa, vật phẩm dễ hư hỏng, khó bảo quản theo quy định của pháp luật. | **Điều 125. Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính**  1. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp thật cần thiết sau đây:  *a) Để xác minh tình tiết mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ ra quyết định xử phạt, bao gồm cả trường hợp tạm giữ để định giá tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt theo quy định Điều 60 của Luật này;*  4. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và được thực hiện như sau:  ***a) Người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc*** lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 9 Điều này.  ***b) Trường hợp người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính thực hiện tạm giữ cùng thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính thì không phải lập biên bản tạm giữ. Biên bản vi phạm hành chính trong trường hợp này phải thể hiện rõ tên, số lượng, chủng loại, tình trạng của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ.***  ***c) Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản, người lập biên bản phải báo cáo người có thẩm quyền tạm giữ về tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã tạm giữ để xem xét ra quyết định tạm giữ; quyết định tạm giữ phải được giao cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm 01 bản.***  ***d) Trường hợp không ra quyết định tạm giữ thì phải trả lại ngay tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.***  ***đ) Đối với trường hợp tang vật là hàng hóa dễ hư hỏng thì người tạm giữ phải báo cáo ngay thủ trưởng trực tiếp để xử lý, nếu để hư hỏng hoặc thất thoát thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.***  5a. Khi thực hiện việc tạm giữ, người lập biên bản, người có thẩm quyền tạm giữ phải niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, trừ các trường hợp sau đây:  a) Động vật, thực vật sống;  b) Hàng hóa, vật phẩm dễ hư hỏng, khó bảo quản theo quy định của pháp luật.  ***c) Hàng siêu trường, siêu trọng theo quy định pháp luật;***  ***d) Hàng hóa khác không thể niêm phong theo quy định pháp luật.*** | **Sửa đổi, bổ sung Điều 125 như sau:**  **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 125** theo hướng quy định trường hợp tạm giữ để định giá tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt theo quy định Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính thuộc một trong những biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính.  ***Lí do:*** Làm trường hợp tạm giữ để định giá tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt cũng là một trong những biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính, bảo đảm thống nhất trong cách áp dụng trên thực tế và giữa các quy định tại Điều 60 và Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính.  **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 125** theo hướng giảm bớt các trường hợp phải lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép hành nghề theo thủ tục hành chính, thay vì trước đây tất cả mọi trường hợp tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép hành nghề theo thủ tục hành chính đều phải lập biên bản. Theo đó, trường hợp lập tạm giữ cùng thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính thì chỉ lập biên bản tạm giữ.  ***Lí do:*** Đơn giản hoá thủ tục xử phạt, tạo điều kiện thuận lợi cho người thực thi công tác xử phạt vi phạm hành chính trong thực tế.  **3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5a Điều 125** theo hướng quy định thêm các trường hợp không cần niêm phong khi thực hiện tạm giữ, bao gồm hàng siêu trường, siêu trọng theo quy định pháp luật; hàng hóa khác không thể niêm phong theo quy định pháp luật.  ***Lí do:*** Bảo đảm phù hợp với thực tiễn, hiện nay có một số loại tang vật, phương tiện không thể niêm phong như cát, thân cây gỗ lớn,… |
| **Điều 126. Xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính**  4. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 125 của Luật này khi hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận mà không có lý do chính đáng thì được xử lý như sau:  b) Trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện thì người ra quyết định tạm giữ phải thông báo 02 lần trên phương tiện thông tin đại chúng của trung ương hoặc địa phương nơi tạm giữ tang vật, phương tiện. Lần thông báo thứ nhất phải được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện. Lần thông báo thứ hai được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo thứ nhất. ~~Hết thời hạn 01 năm~~, kể từ ngày thông báo lần thứ hai nếu người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. | **Điều 126. Xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính**  4. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 125 của Luật này khi hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận mà không có lý do chính đáng thì được xử lý như sau:  b) Trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện thì người ra quyết định tạm giữ phải thông báo 02 lần trên phương tiện thông tin đại chúng của trung ương hoặc địa phương nơi tạm giữ tang vật, phương tiện. Lần thông báo thứ nhất phải được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện. Lần thông báo thứ hai được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo thứ nhất. Hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày thông báo lần thứ hai nếu người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.  ***c) Trong thời gian xác định người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tại điểm a và điểm b khoản này, mà có căn cứ cho rằng nếu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không xử lý ngay sẽ bị hư hỏng, không bán được hoặc hết thời hạn sử dụng hoặc không có địa điểm và không đủ điều kiện về cơ sở vật chất để bảo quản thì người có thẩm quyền quyết định việc xử tổ chức bán ngay theo giá thị trường và việc bán phải được lập thành biên bản. Tiền thu được phải gửi vào tài khoản tạm gửi mở tại Kho bạc Nhà nước. Nếu hết thời hạn quy định tại điểm a và điểm b khoản này mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì tiền thu được phải nộp vào ngân sách nhà nước.*** | **Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 126 theo hướng:**  Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 125, trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày thông báo lần thứ hai nếu người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nhằm mục đích bảo đảm phù hợp với Bộ luật Dân sự và thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại Luật Xử lý vi phạm hành chính.  Tuy nhiên, để bảo đảm phù hợp với thực tiễn, điểm c khoản 4 Điều 125 được bổ sung theo hướng có thể bán ngay tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ nếu có căn cứ cho rằng tang vật, phương tiện không xử lý ngay sẽ bị hư hỏng, không bán được hoặc hết thời hạn sử dụng.  ***Lí do:***  Góp phần rút ngắn thời gian, quy trình xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, khắc phục những bất cập kéo dài xuất phát từ tình trạng “tồn đọng”, “quá tải” trong bảo quản, quản lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ thời gian qua, đồng thời, giúp tránh thất thoát, lãng phí, tạo điều kiện để “khơi thông nguồn lực” cho công tác quản lý nhà nước và phát triển đất nước. |
| **Điều 127. Khám người theo thủ tục hành chính**  2. Những người được quy định tại khoản 1 Điều 123 của Luật này có quyền quyết định khám người theo thủ tục hành chính.  Trong trường hợp có căn cứ để cho rằng nếu không tiến hành khám ngay thì đồ vật, tài liệu, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính bị tẩu tán, tiêu hủy, thì ngoài những người được quy định tại khoản 1 Điều 123 của Luật này, chiến sĩ cảnh sát nhân dân, cảnh sát viên cảnh sát biển, chiến sĩ bộ đội biên phòng, kiểm lâm viên, công chức hải quan, kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ được khám người theo thủ tục hành chính và báo cáo ngay bằng văn bản cho thủ trưởng của mình là một trong những người được quy định tại khoản 1 Điều 123 của Luật này và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khám người.  3. Việc khám người phải có quyết định bằng văn bản, trừ trường hợp cần khám ngay theo quy định tại đoạn 2 khoản 2 Điều này. | **Điều 127. Khám người theo thủ tục hành chính**  *2. Người có thẩm quyền khám người theo thủ tục hành chính là người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.*  *3. Việc khám người phải có quyết định bằng văn bản, trừ trường hợp có căn cứ cho rằng nếu không tiến hành khám ngay thì đồ vật, tài liệu, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính bị tẩu tán, tiêu hủy.* | **Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 127** theo hướng mở rộng thẩm quyền khám người theo thủ tục hành chính, theo đó, người có thẩm quyền khám người theo thủ tục hành chính là người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.  ***Lí do:***  - Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong công tác xử phạt vi phạm hành chính.  - Thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra các nội dung cụ thể như: “xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”, “xây dựng đề án về hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện”, “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”. |
| **Điều 128. Khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính**  1. Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính chỉ được tiến hành khi có căn cứ cho rằng trong phương tiện vận tải, đồ vật đó có cất giấu tang vật vi phạm hành chính.  2. Những người được quy định tại khoản 1 Điều 123 của Luật này có quyền khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính.  3. Trong trường hợp có căn cứ để cho rằng nếu không tiến hành khám ngay thì tang vật vi phạm hành chính sẽ bị tẩu tán, tiêu hủy, thì ngoài những người quy định tại khoản 2 Điều này, chiến sĩ cảnh sát nhân dân, cảnh sát viên cảnh sát biển, chiến sĩ bộ đội biên phòng, kiểm lâm viên, công chức thuế, công chức hải quan, kiểm soát viên thị trường, thanh tra viên đang thi hành công vụ được khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính và phải báo cáo ngay cho thủ trưởng trực tiếp của mình và phải chịu trách nhiệm về việc khám.  4. Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật phải có quyết định bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.  Khi tiến hành khám phương tiện vận tải, đồ vật phải có mặt chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải và 01 người chứng kiến; trong trường hợp chủ phương tiện, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vắng mặt thì phải có ít nhất 01 người chứng kiến.  5. Mọi trường hợp khám phương tiện vận tải, đồ vật đều phải lập biên bản. Quyết định khám và biên bản phải giao cho chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải 01 bản. | **Điều 128. Khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính**  1. Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính chỉ được tiến hành khi có căn cứ cho rằng trong phương tiện vận tải, đồ vật đó có cất giấu tang vật vi phạm hành chính.  ***2. Người có thẩm quyền khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính là người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Luật này.***  3. Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật phải có quyết định bằng văn bản, trừ trường hợp có căn cứ để cho rằng nếu không tiến hành khám ngay thì tang vật vi phạm hành chính sẽ bị tẩu tán, tiêu hủy.  Khi tiến hành khám phương tiện vận tải, đồ vật phải có mặt chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải và 01 người chứng kiến; trong trường hợp chủ phương tiện, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vắng mặt thì phải có ít nhất 01 người chứng kiến.  4. Mọi trường hợp khám phương tiện vận tải, đồ vật đều phải lập biên bản. Quyết định khám và biên bản phải giao cho chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải 01 bản. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 128** theo hướng mở rộng thẩm quyền khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính., theo đó, người có thẩm quyền khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính là người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.  ***Lí do:***  - Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong công tác xử phạt vi phạm hành chính.  - Thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra các nội dung cụ thể như: “xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”, “xây dựng đề án về hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện”, “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”. |
| **Điều 129. Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính**  2. Những người được quy định tại khoản 1 Điều 123 của Luật này có quyền quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; trong trường hợp nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là chỗ ở thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định. | **Điều 129. Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính**  2. Người có thẩm quyền khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính ***là người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Luật này***. Trong trường hợp nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là chỗ ở thì đề nghị ***Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thẩm quyền quản lý về chỗ ở*** xem xét, quyết định. | **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 129** theo hướng mở rộng thẩm quyền khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, theo đó, người có thẩm quyền khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.  **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 129** theo hướng thay đổi quy định tên gọi của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện thành Chủ tịch Uỷ ban nhân dân có thẩm quyền quản lý về chỗ ở trong trường hợp nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là chỗ ở.  ***Lí do:***  - Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong công tác xử phạt vi phạm hành chính.  - Thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra các nội dung cụ thể như: “xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”, “xây dựng đề án về hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện”, “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”. |
|  | 1. Thay thế một số từ, cụm từ tại một số điều, khoản, điểm sau đây:  a) Thay thế cụm từ “xã, phường, thị trấn” bằng từ “cơ sở” tại khoản 3 Điều 2, khoản 2 Điều 6, Điều 89, tên và khoản 7 Điều 90, các khoản 3 và 4 Điều 92, điểm b khoản 1 Điều 94, khoản 1 Điều 108, Điều 109, khoản 1 Điều 114, Điều 117, điểm a khoản 6 Điều 131, Điều 136.  c) Thay tế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” thành cụm từ “Ủy ban nhân dân nơi quản lý cư trú của cá nhân, tổ chức đóng trụ sở” tại các khoản 1 và 2 Điều 71;  d) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp cơ sở” tại điểm b khoản 1 Điều 79, khoản 7 Điều 90, điểm c khoản 5 Điều 92, các điểm c và d khoản 1 Điều 109, điểm b khoản 1 Điều 111, khoản 3 Điều 112, khoản 1 Điều 113, các khoản 1 và 2 Điều 114, Điều 117, các khoản 2 và 4 Điều 140, khoản 4 Điều 140a;  đ) Thay thế cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện” bằng cụm từ “cơ quan Công an” tại khoản 3 Điều 118.  e) Thay thế cụm từ “Công an cấp huyện nơi lập hồ sơ” bằng cụm từ “cơ quan Công an nơi lập hồ sơ” tại khoản 3 Điều 132;  g) Thay thế cụm từ “Tòa án nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Tòa án nhân dân” tại khoản 3 Điều 132.  2. Bỏ cụm từ “cấp huyện” tại khoản 3 Điều 111, khoản 3 Điều 112, khoản 2 Điều 113, khoản 2 Điều 114, khoản 1 Điều 132. | ***Lí do:*** Thể chế hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra các nội dung cụ thể như: “xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã”, “xây dựng đề án về hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện”, “rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước”. |